



**CÔNG TY CP XÂY LẮP – CƠ KHÍ VÀ LƯƠNG THỰC
THỰC PHẨM (MECOFOOD)
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2017**

(Phụ lục số 04 Ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)



Long An, ngày 23 tháng 02 năm 2018

S.Đ.Κ.Κ.Α
★

MỤC LỤC

I. Thông tin chung.....	1
1.1. Thông tin khái quát	1
1.2. Ngành nghề kinh doanh địa bàn kinh doanh:.....	2
1.2.1. Ngành nghề kinh doanh của Công ty:	2
1.2.2. Địa bàn kinh doanh của Công ty.....	2
1.3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.....	2
1.3.1. Mô hình quản trị	2
1.3.2. Cơ cấu bộ máy quản lý	3
1.4. Định hướng phát triển	3
1.5. Các rủi ro	4
II Tình hình hoạt động trong năm.....	5
2.1. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2016	5
2.1.1. Kết quả thực hiện các ngành hàng:.....	5
2.1.2. Mặt hàng lương thực:.....	5
2.1.3. Mặt hàng bao bì – mỹ nghệ:	7
2.1.4- Mặt hàng Cơ khí – Bê tông-VLXD:.....	10
2.3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:	13
2.4. Tình hình tài chính:	14
2.4.1. Tình hình tài chính.....	14
2.4.2. Các chỉ tiêu tài chính:	14
2.5. Cơ cấu cổ đông.....	14
2.5.1. Cổ phần	14
2.5.2. Cơ cấu cổ đông	14
2.6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty	15
(báo cáo phát triển bền vững).....	15
2.6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu.....	15
2.6.2. Tiêu thụ năng lượng.....	16
2.6.3. Tiêu thụ nước (Mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm 2016).....	16
2.6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường.....	16
2.6.5. Chính sách liên quan đến người lao động.....	20
2.6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương	20
III. Báo cáo đánh giá của Ban Tổng giám đốc	20
3.1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:	21
3.2. Kế hoạch phát triển của Công ty trong năm 2017	21
IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty.	23
4.1. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:..	23
4.2. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám Đốc:	23
4.3. Kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị.	24
V. Quản trị Công ty	25
5.1. Hội đồng quản trị.....	25
5.1.1. Thành viên và cơ cấu của HĐQT	25
5.1.2. Các cuộc họp của HĐQT	26
5.1.3. Hoạt động của HĐQT:.....	26
5.2. Ban kiểm soát.....	26

5.2.1. Thành viên Ban kiểm soát:	26
5.2.2. Hoạt động của Ban kiểm soát.....	27
5.3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích khác của Hội đồng quản trị/Ban Kiểm soát.	27
5.3.1. Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát (người/tháng):	27
5.3.2. Giao dịch của cổ đông nội bộ: Không có	27
VI. Báo cáo tài chính	28
6.1. Kiểm toán độc lập	28
6.2 Báo cáo tài chính đã được kiểm toán.....	28

100
CÔNG
CỔ
Y LÀ
À LƯ
TH
TÂN

I. Thông tin chung

1.1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty CP Xây Lắp – Cơ khí và Lương thực thực phẩm.
- Tên tiếng Anh: Mechanics Contruction and Foodstuff Joint –Stock Company
- Tên viết tắt: MECOFOOD
- Giấy CNĐKKD số: 1100664038 do Sở kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Long An cấp lần đầu ngày 18 tháng 02 năm 2005 thay đổi lần thứ 12 ngày 02 tháng 10 năm 2015.
- Vốn điều lệ: 80.000.000.000 đồng
- Địa chỉ; Số 29 Nguyễn Thị Bảy, Phường 6, TP Tân an, tỉnh Long an.
- Số điện thoại: 0723.820509
- Số Fax: 0723.521252
- Email: info@mecofood.com.vn
- Website: www.mecofood.com.vn
- Mã cổ phiếu: MCF
- **Quá trình hình thành và phát triển**
- + **Những sự kiện quan trọng:**

Thực hiện Nghị quyết số 05/NQ/TW ngày 24/9/2001 của BCHTW khóa IX về chủ trương tiếp tục sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp Nhà nước. Ngày 2/4/2004 Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Lương thực Miền Nam đã có quyết định số 54A/QĐ.HĐQT xóa tên và thực hiện sáp nhập một số đơn vị trực thuộc Công ty Lương Thực Long An vào xí nghiệp Xây Lắp Cơ Khí Nông Nghiệp, bao gồm: Xí nghiệp Chế biến Gạo Đặc Sản, Xí nghiệp Đầu tư Hạ tầng kinh doanh Địa ốc, Trạm thu mua chế biến Lương thực Bình Tịnh và Đội Vận Tải để tiến hành xây dựng phương án cổ phần hóa.

Ngày 09/12/2004 Bộ trưởng Bộ Nông Nghiệp và phát triển Nông thôn đã ra quyết định số 4438/QĐ/BNN-TCCB về việc chuyển bộ phận Doanh nghiệp Nhà nước Xí nghiệp Xây lắp Cơ khí Nông nghiệp thành Công ty cổ phần với tên gọi đầy đủ là Công ty Cổ phần Xây lắp Cơ khí và Lương thực Thực phẩm, viết tắt là MECOFOOD.

Ngày 3/2/2005 đơn vị tiến hành Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty và được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp giấy phép kinh doanh số 5003000092 vào ngày 18/02/2005 và Công ty chính thức đi vào hoạt động từ 01/3/2005 với số vốn điều lệ ban đầu là 10.000.000.000 đồng.

Đến ngày 16 tháng 04 năm 2009 Đại hội cổ đông bất thường Công ty CP Xây lắp Cơ khí & Lương thực Thực phẩm đã biểu quyết thống nhất việc sáp nhập Công ty CP Nông Sản và Bao Bì Long An vào Công ty CP Xây lắp Cơ khí & Lương thực Thực phẩm và tăng vốn điều lệ lên 27.163.400.000 đồng.

Năm 2011, Công ty CP Xây lắp Cơ khí & Lương thực Thực phẩm hoạt động với vốn điều lệ là 35.000.000.000 đồng.

Cổ phiếu của Công ty CP Xây lắp Cơ khí & Lương thực Thực phẩm đã được giao dịch trên sàn chứng khoán Hà Nội kể từ ngày 14/02/2011 với mã chứng khoán là MCF.

Ngày 11/11/2011, Công ty đã tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông bất thường và thông qua Nghị quyết số 19/NQ-ĐHĐCĐ.MCF V/v Phê duyệt phương án tăng vốn điều lệ từ 35 tỷ lên 80 tỷ đồng để bổ sung vốn sản xuất kinh doanh và điều chỉnh kế hoạch năm 2011: lợi nhuận từ 15 tỷ lên 16,5 tỷ đồng, chia cổ tức từ 24% trở lên trong đó chia cổ tức bằng cổ phiếu là 22%.

1.2. Ngành nghề kinh doanh địa bàn kinh doanh:

1.2.1. Ngành nghề kinh doanh của Công ty:

+ Sản xuất, chế biến, kinh doanh xuất nhập khẩu và tiêu thụ nội địa các mặt hàng về lương thực, thực phẩm, nông sản, bao bì các loại, hàng mỹ nghệ từ cây lúa non và rom sậy;

+ Sản xuất, kinh doanh xuất nhập khẩu máy móc thiết bị chế biến lương thực, thực phẩm, nông sản và sản phẩm cơ khí;

+ Kinh doanh dịch vụ vận tải hàng hoá thủy, bộ;

+ Tư vấn, thiết kế, sản xuất và thi công xây lắp về lĩnh vực cơ khí, điện và xây dựng;

+ Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng, bất động sản và đầu tư hạ tầng.

1.2.2. Địa bàn kinh doanh của Công ty

- Địa bàn kinh doanh của Công ty tập trung chủ yếu trong tỉnh Long An và các tỉnh thành lân cận.

1.3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

1.3.1. Mô hình quản trị

Công ty được tổ chức theo mô hình công ty cổ phần, đứng đầu là Đại hội đồng cổ đông, Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị, Ban điều hành đứng đầu là Tổng Giám đốc công ty, các Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng.

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông bầu ra Hội đồng quản trị gồm 05 thành viên, là tổ chức quản lý cao nhất của Công ty, đứng đầu là Chủ tịch Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan đưa ra những định hướng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, quyết định bộ máy điều hành của công ty bao gồm Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng. Hội đồng quản trị hiện nay có 2/5 thành viên không trực tiếp tham gia điều hành sản xuất, kinh doanh.

Tổng giám đốc là người chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc tổ chức, quản lý điều hành mọi hoạt động trong công ty, sử dụng hiệu quả các nguồn lực của công ty và tổ chức thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng quản trị theo nhiệm vụ và quyền hạn được giao.

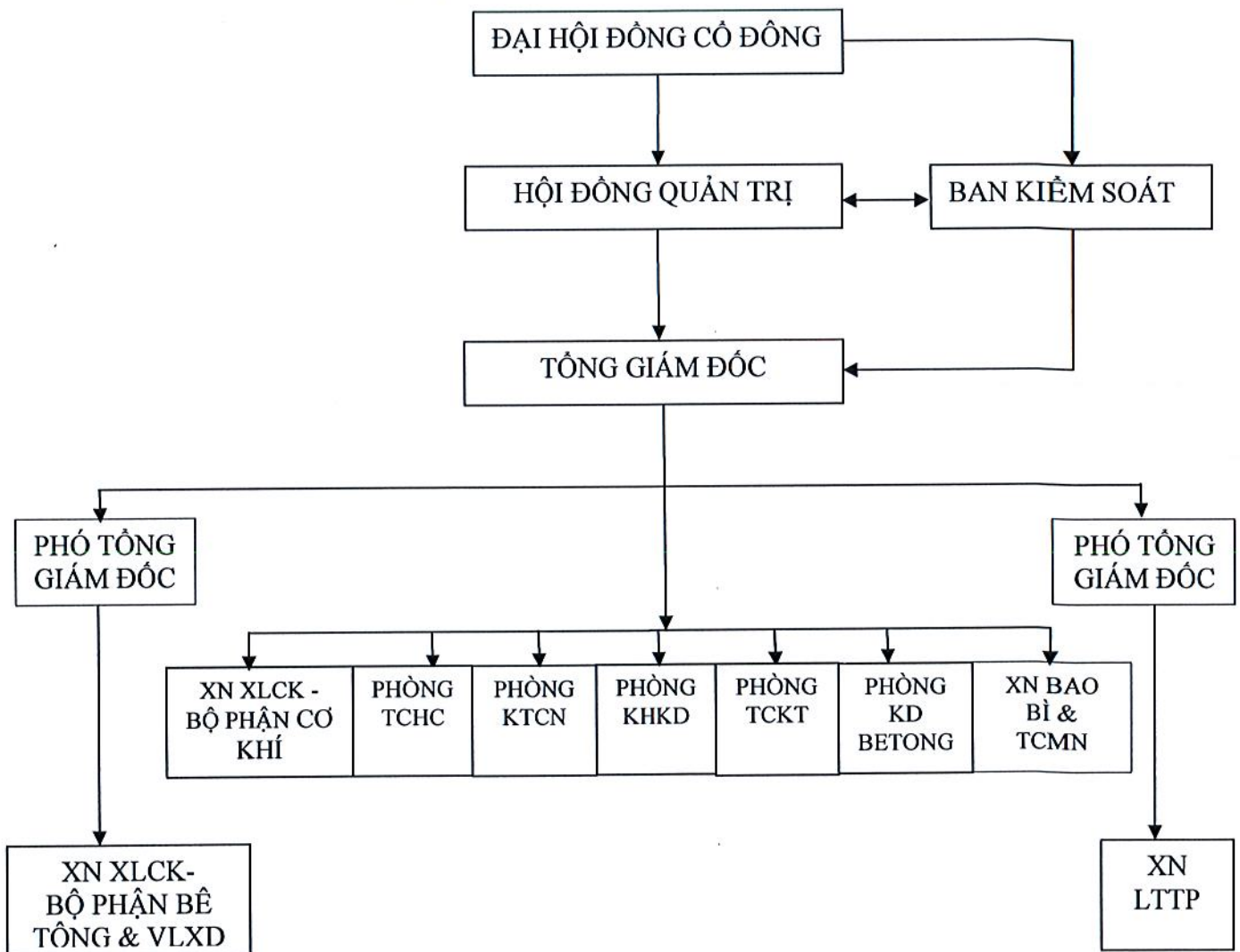
Các Phó Tổng Giám đốc là người giúp Tổng Giám đốc trong quản lý và điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc về các nhiệm vụ được phân công.

Kế toán trưởng là người tham mưu cho Tổng Giám đốc về công tác quản lý tài chính kế toán tại Công ty, chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc về các vấn đề có liên

30-
Y
N
C.KH
THUC
HAM
T.LO

quan đến công tác tài chính kế toán, quyết toán tài chính, thuế và tình hình thực hiện chế độ quản lý tài chính của công ty và các đơn vị trực thuộc.

1.3.2 Cơ cấu bộ máy quản lý



1.4. Định hướng phát triển

Tăng cường quản lý, giám sát và kiểm soát chặt chẽ quá trình thu mua dự trữ, sản xuất chế biến, cũng như quá trình tiêu thụ sản phẩm nhằm đạt hiệu quả cao nhất.

Sử dụng vốn đảm bảo an toàn và đúng mục đích theo đúng quy chế và quy định của pháp luật, tăng cường công tác kiểm tra việc chi tiêu theo quy chế tài chính của Công ty.

Tăng cường tiếp thị khai thác khách hàng để tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa của Công ty, củng cố thị trường gạo nội địa, đẩy mạnh xuất khẩu gạo trực tiếp, mở rộng thị trường gạo đặc sản, gạo cao cấp, tổ chức thu mua lúa, gạo khi vào vụ với chất lượng và giá tốt nhất, nâng cao hiệu quả công tác thông tin dự báo thị trường.

Thực hiện tốt liên kết sản xuất cánh đồng lớn, liên kết với doanh nghiệp cung ứng, hợp tác xã, doanh nghiệp sơ chế để phục vụ công tác thu mua lúa, gạo theo phương án năm 2018, nhằm đảm bảo chất lượng và ổn định nguồn nguyên liệu, tạo uy tín cho chất lượng hạt gạo Việt Nam cũng như thương hiệu của Công ty.

Tiếp tục cải tiến mẫu mã và năng suất thiết bị các sản phẩm cơ khí, đáp ứng tốt yêu cầu của khách hàng. Tích cực khai thác khách hàng tiêu thụ bê tông tươi và vật liệu xây dựng để tăng sản lượng và thị phần tiêu thụ tương ứng với năng lực thiết bị hiện có của Công ty. Chú trọng lao động kỹ thuật có trình độ tay nghề và sắp xếp hợp lý lao động phổ thông trong các tổ đội sản xuất.

Tập trung quản lý chất lượng sản phẩm bao bì, hạn chế tối đa sản phẩm hỏng và phế phẩm, tăng thu hồi; tích cực tiếp thị để tiêu thụ sản phẩm trong thị trường nội địa lẫn xuất khẩu. Chú trọng đào tạo tay nghề, thu tuyển công nhân mỹ nghệ để đảm bảo đủ năng lực sản xuất giao hàng kịp thời, quan tâm quản lý chất lượng sản phẩm trong quá trình sản xuất và bảo quản.

Quan tâm công tác phòng chống cháy nổ, phòng chống bão lụt, chú trọng công tác an toàn lao động, vệ sinh thực phẩm và vệ sinh công nghiệp.

Phối kết hợp giữa các tổ chức đoàn thể chính trị trong công ty thực hiện thường xuyên các đợt thi đua trong sản xuất và phong trào thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật, tập trung sức mạnh và trí tuệ tập thể để phấn đấu thực hiện hoàn thành kế hoạch đề ra.

1.5. Các rủi ro

- Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo sự thay đổi của giá thị trường.

- Rủi ro thị trường đối với hoạt động của công ty bao gồm: Rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá.

- Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

- Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro lãi suất của công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay.

- Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái. Công ty có rủi ro về giá nguyên vật liệu như gạo, hạt nhựa, cát, đá, xi măng sắt thép các loại. Công ty quản lý rủi ro về giá nguyên vật liệu thông qua việc theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý tốt về giá.

- Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh chủ yếu các khoản phải thu khách hàng và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

- Phải thu khác hàng: Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu ứng trước đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu

của công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

-Tiền gửi ngân hàng: Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

- Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc ngân hàng nhà nước thắt chặt tiền tệ, cụ thể như tăng lãi suất cho vay, hạn chế tín dụng, làm cho khách hàng của công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ thanh toán cho Công ty. Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp với các khoản vay ở mức mà Ban Tổng giám đốc cho là đủ đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

II Tình hình hoạt động trong năm

2.1. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017

Mặc dù kinh tế thế giới và trong nước có nhiều khó khăn, thách thức nhưng với sự quyết tâm và đoàn kết gắn bó, khắc phục khó khăn Công ty CP Xây lắp Cơ khí và Lương thực Thực phẩm đã nỗ lực phấn đấu thực hiện nhiệm vụ với kết quả đạt được cụ thể như sau:

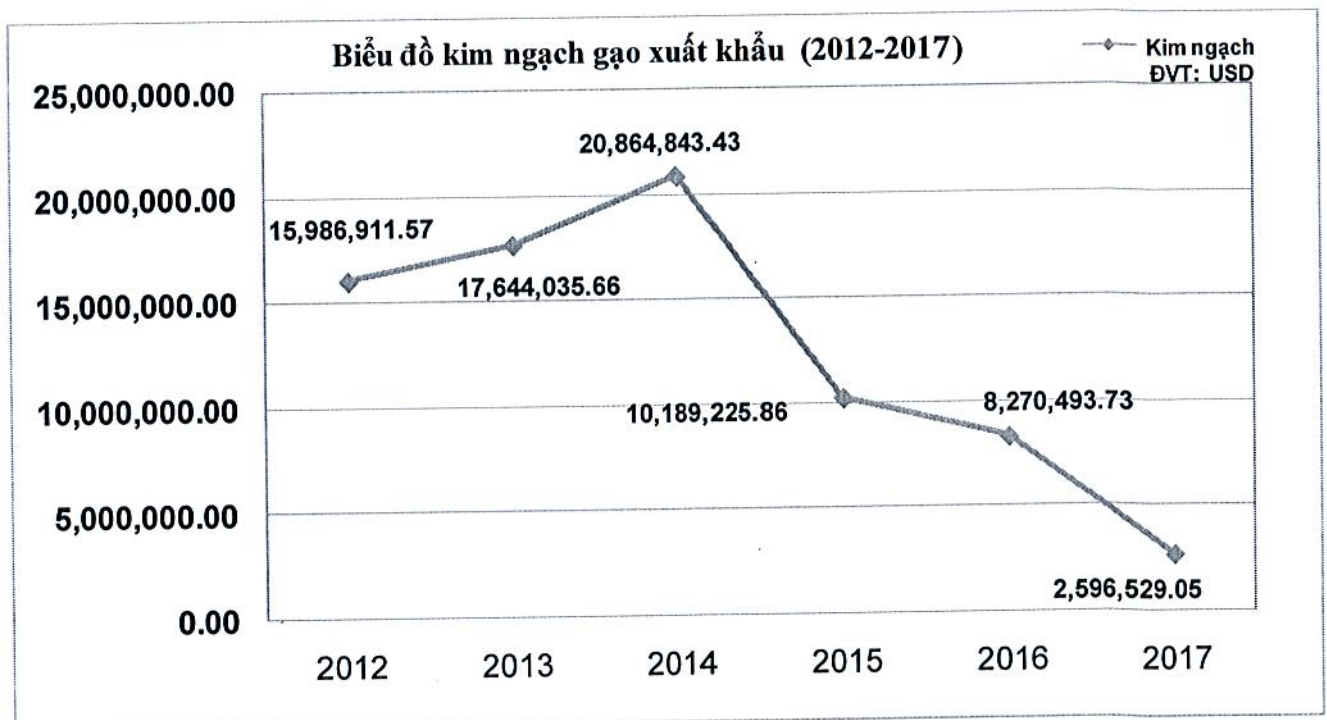
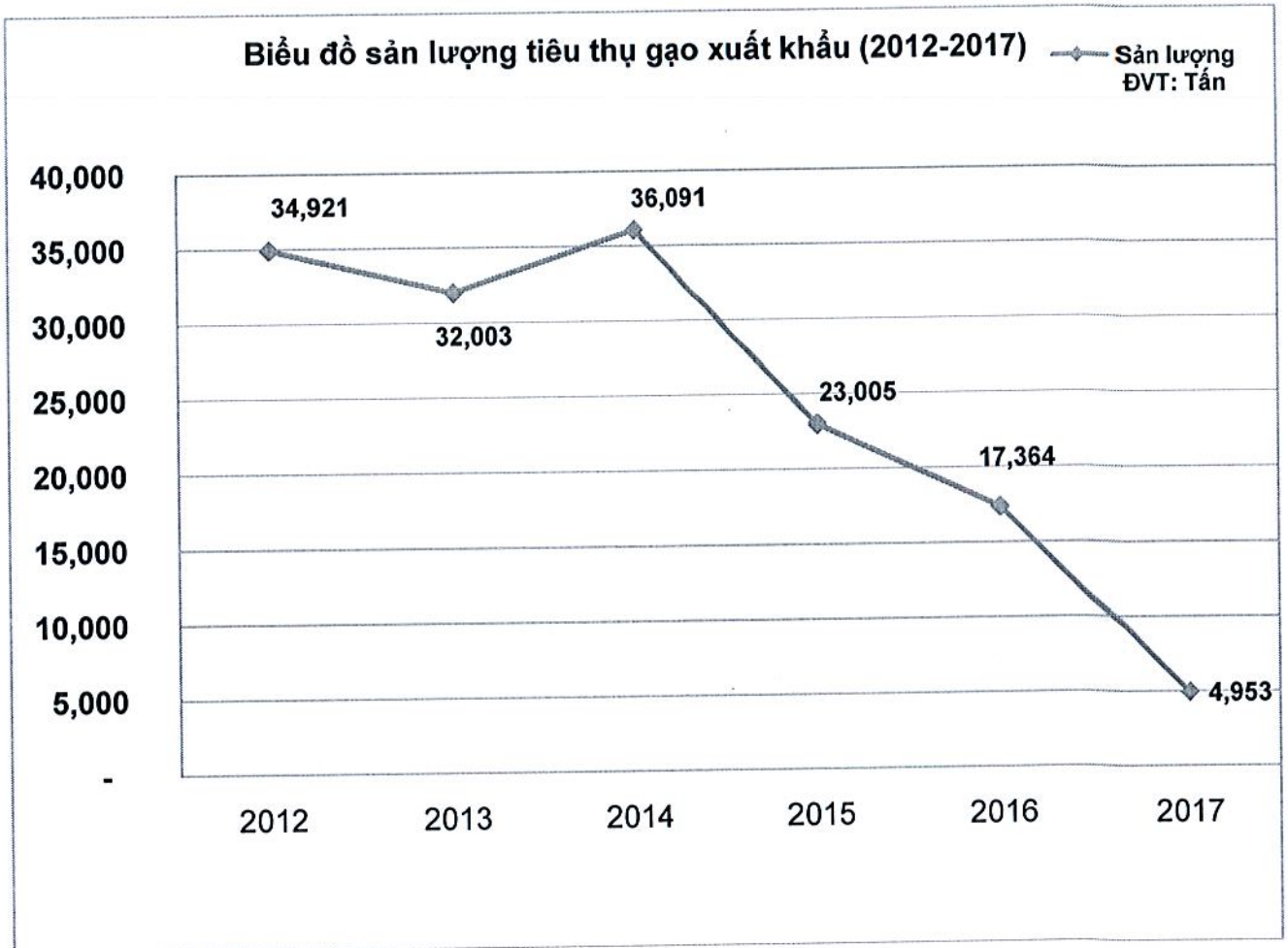
2.1.1. Kết quả thực hiện các ngành hàng:

Diễn giải	ĐVT	Năm 2017			So cùng kỳ 2016 (%)
		Kế hoạch	Thực hiện	So KH năm (%)	
Mua vào					
- Lương thực (quy gạo)	Tấn	40.000	18.261	45,65%	60,55%
Bán ra					
-Lương thực bán ra	Tấn	40.000	21.767	54,42%	54,84%
-Bao bì	1000 cái	12.000	10.641	88,68%	136,14%
-Cơ khí	Ti đồng	42	23,874	56,84%	61,97%
-Bê tông - VLXD	m3	72.000	77.501	107,64%	112,44%
-Mỹ nghệ	Cont	34	29	85,29%	89,23%

2.1.2. Mặt hàng lương thực:

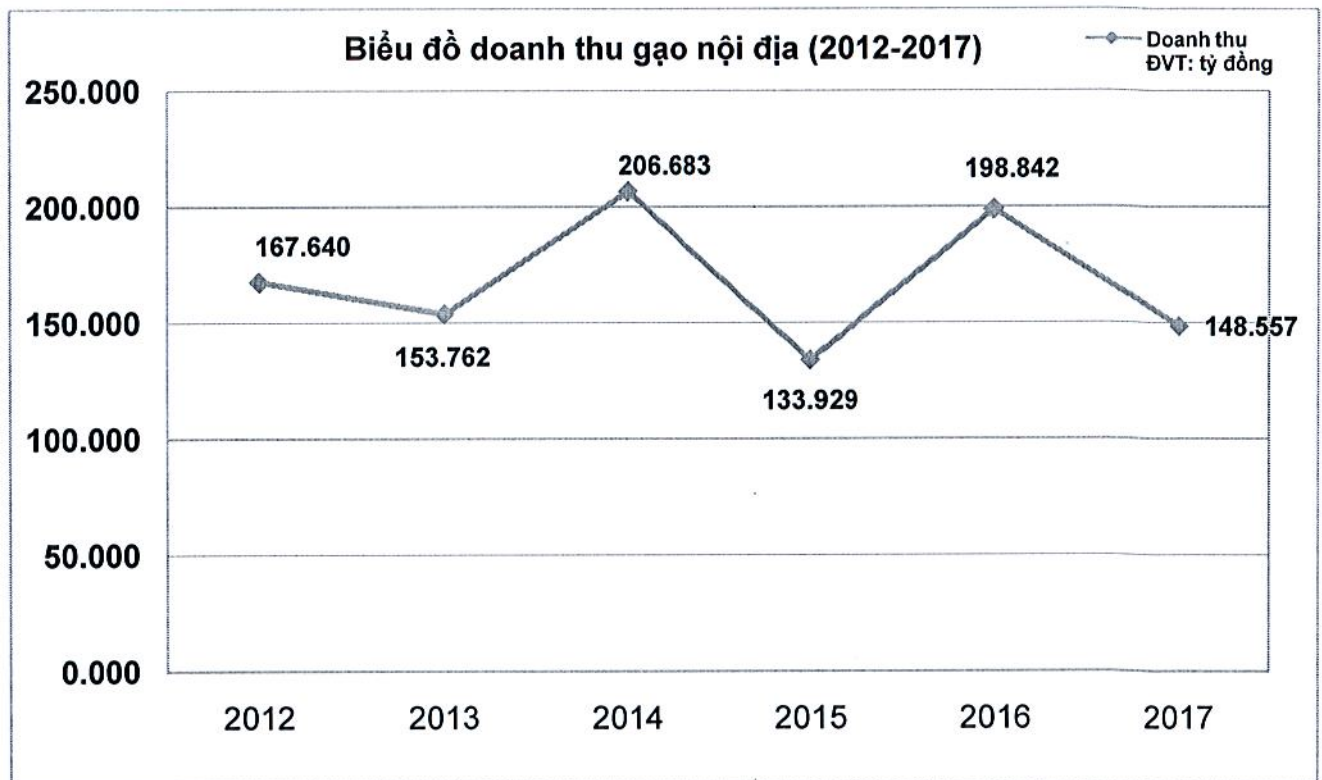
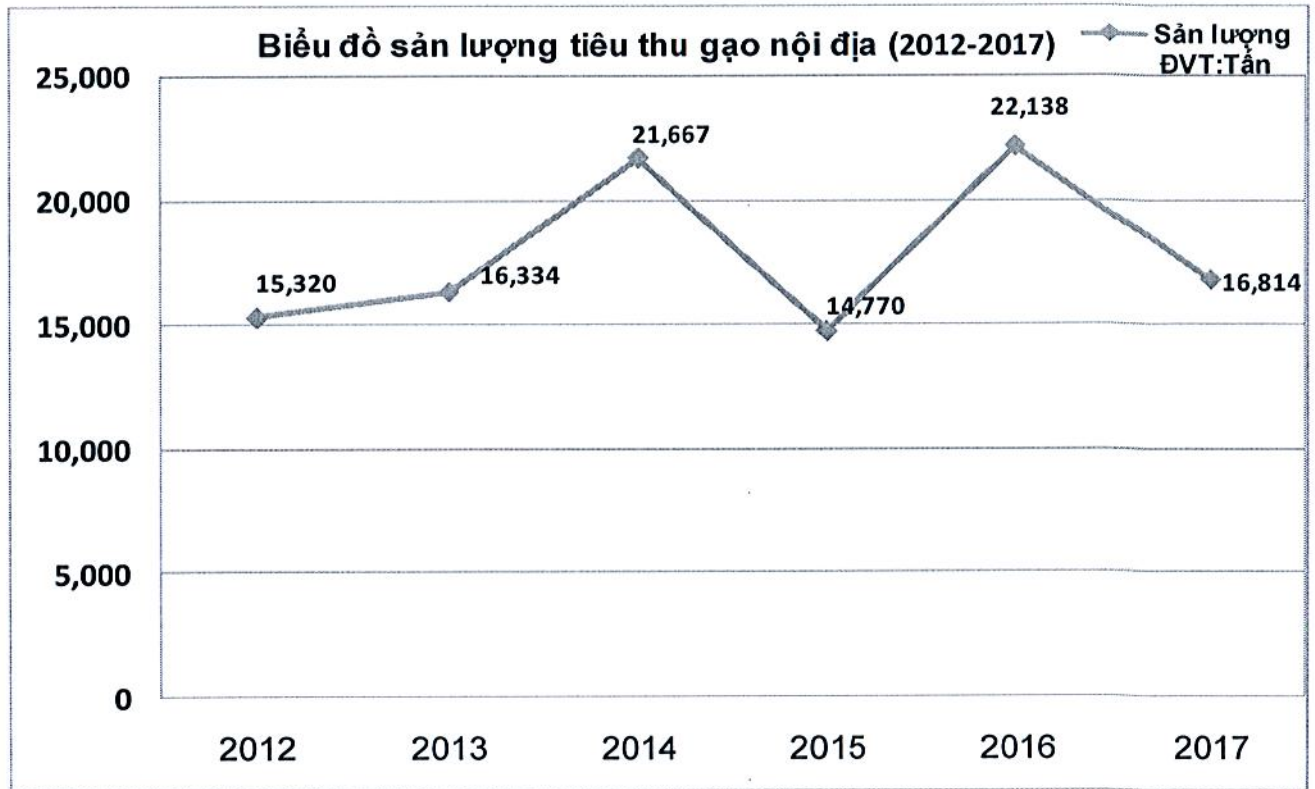
Đối với xuất khẩu: Do giá cả trong nước biến động mạnh, tăng giảm thất thường nên việc chào giá bán luôn chịu sự cạnh tranh gay gắt, do đó sản lượng xuất khẩu của Công ty năm 2017 bị giảm nhiều, (4.953 tấn/15.000 tấn) đạt 33,02% so với kế hoạch và (4.953 tấn/17.364 tấn) đạt 28,52% so với cùng kỳ năm 2016

Trong năm 2018 tình hình xuất khẩu gạo vẫn còn diễn biến phức tạp khó lường, do đó Ban điều hành công ty phải chủ động nghiên cứu nắm bắt tình hình chọn thời điểm thu mua nguyên liệu đúng thời điểm với giá thấp nhất để việc kinh doanh của ngành hàng này có hiệu quả như mong muốn.



Đối với tiêu thụ nội địa: Do xuất khẩu gặp nhiều khó khăn, các doanh nghiệp kinh doanh lương thực đã chuyển sang khai thác thị trường nội địa làm cho thị phần bị chia nhỏ, trong năm 2017 sản lượng tiêu thụ gạo nội địa đạt (16.814/25.000) đạt 67,26% so với kế hoạch và đạt 75,95% (16.814/22.138) so với cùng kỳ năm 2016.

Tuy sản lượng tiêu thụ mặt hàng lương thực không đạt kế hoạch đã đề ra và thấp hơn năm 2016 nhưng trong năm 2017 mặt hàng lương thực tiêu thụ nội địa của Công ty vẫn có hiệu quả.

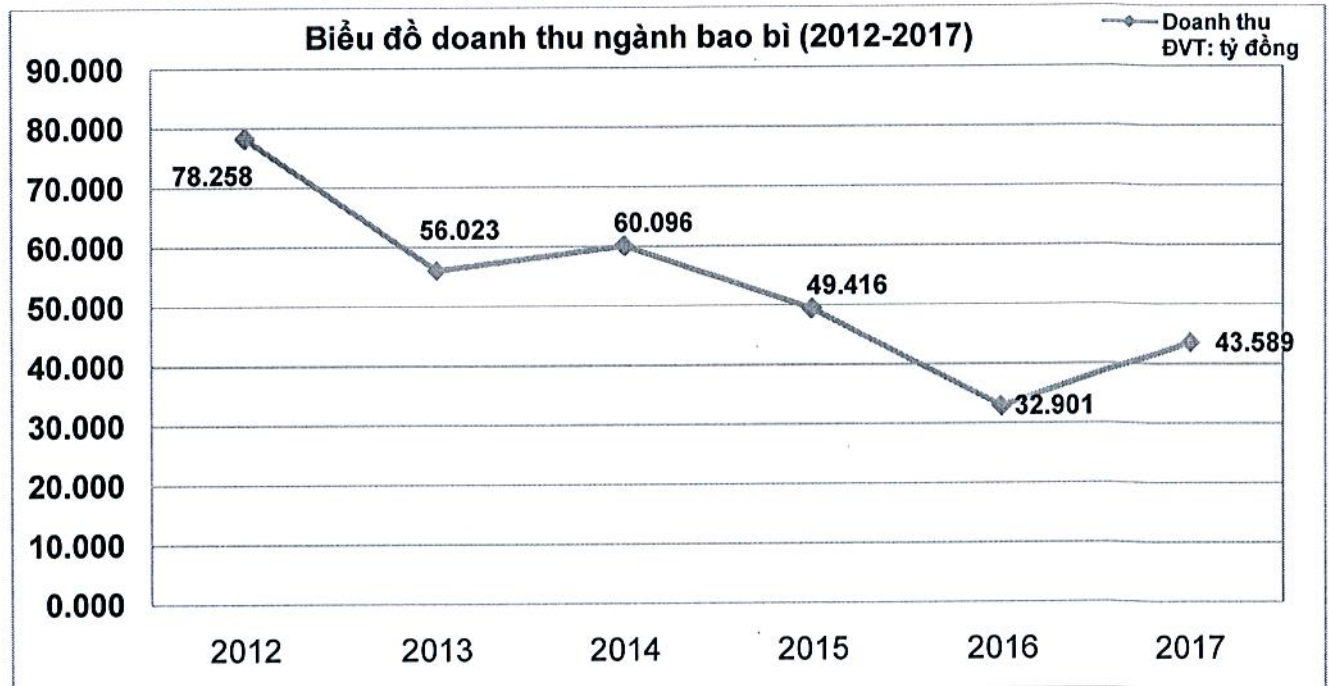
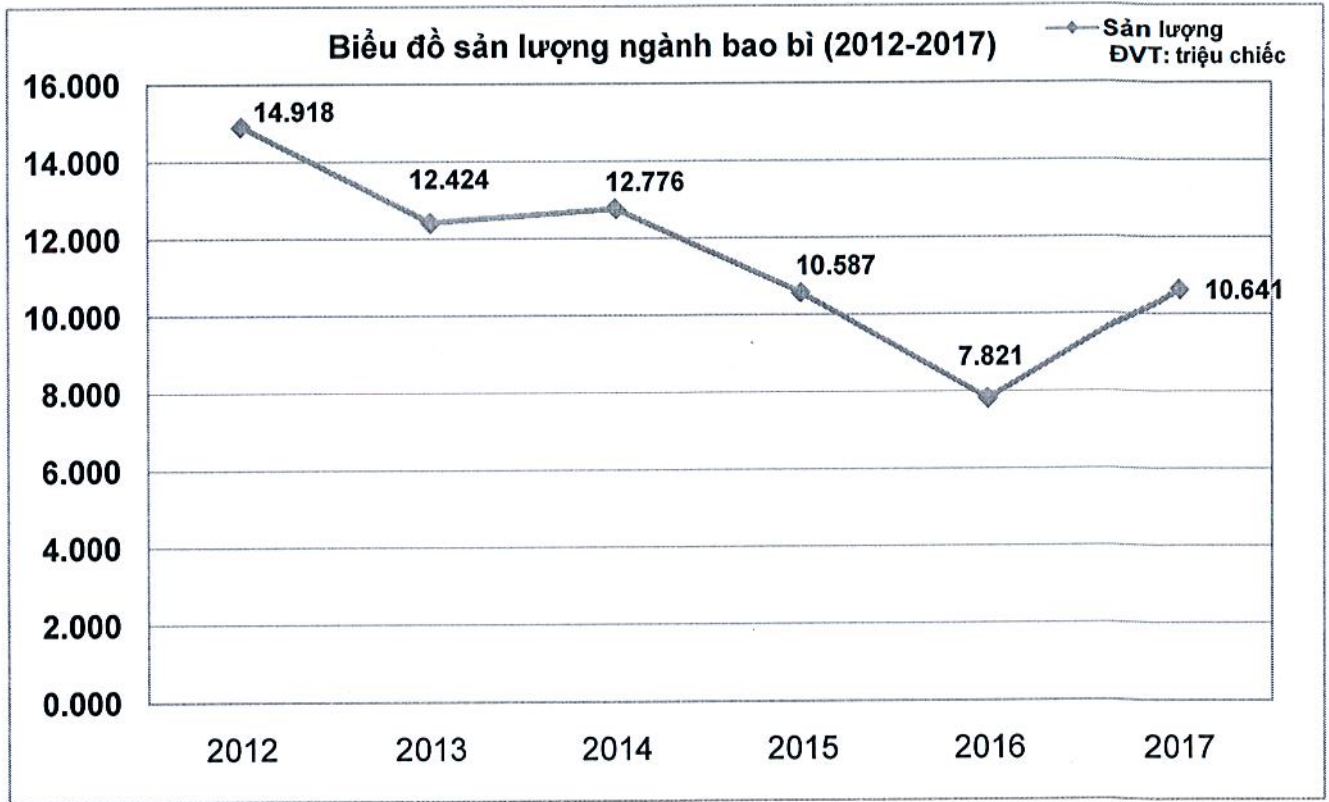


2.1.3. Mặt hàng bao bì – mỹ nghệ:

a)- Mặt hàng Bao bì:

Bán ra được: 10,641 triệu chiếc, đạt 88,68% so KH và đạt 136,14% so với 2016.

Mặc dù sản lượng bao bì bán ra không đạt như kế hoạch 2017 nhưng so với năm 2016 thì sản lượng bán ra tăng 36,14% đây là một sự nỗ lực rất lớn của Ban điều hành công ty trong việc nhận định tình hình thị trường để mua nguyên liệu đầu vào với giá thấp nhằm giảm giá thành sản xuất bao bì và sự nỗ lực của toàn thể CNVC-LĐ Công ty trong việc đẩy mạnh khai thác tìm kiếm khách hàng nhằm tăng sản lượng bán ra.

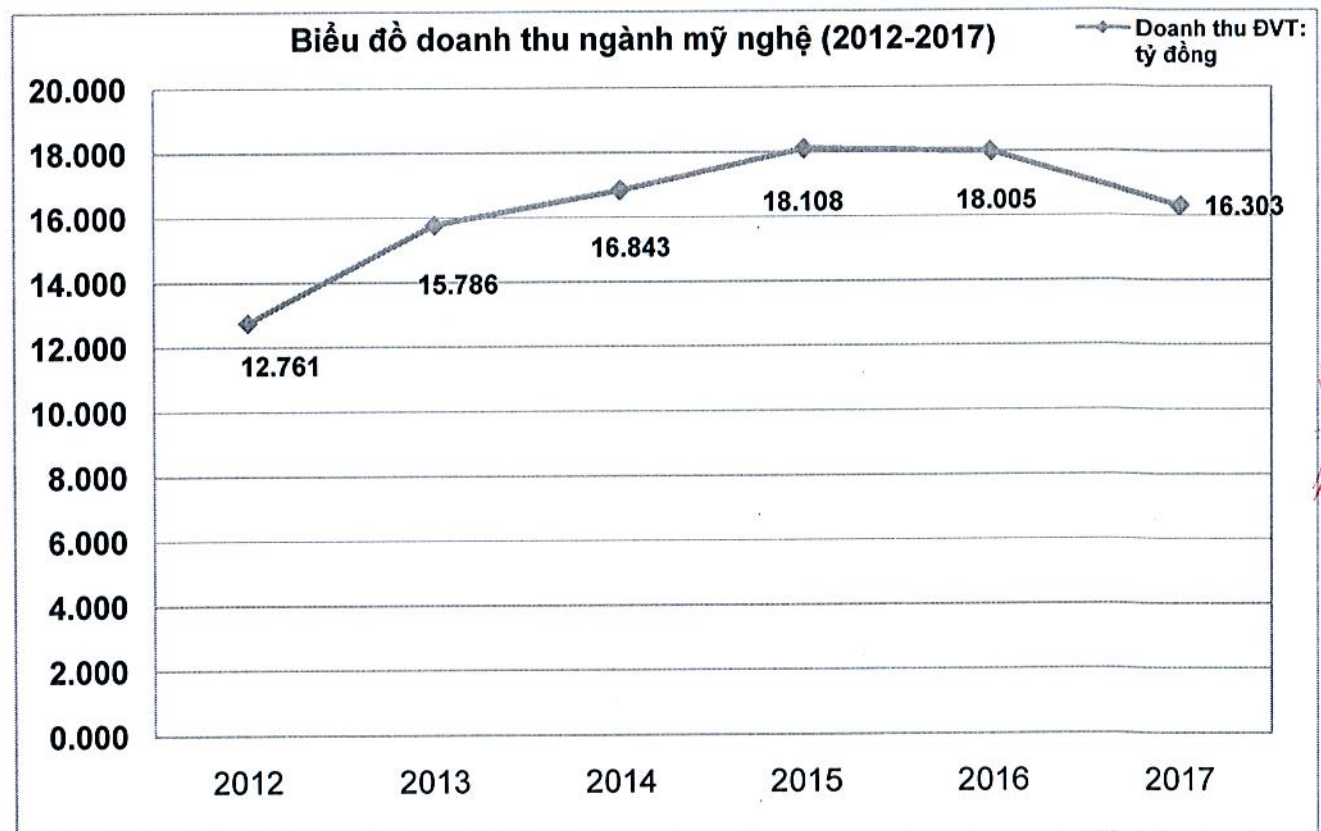
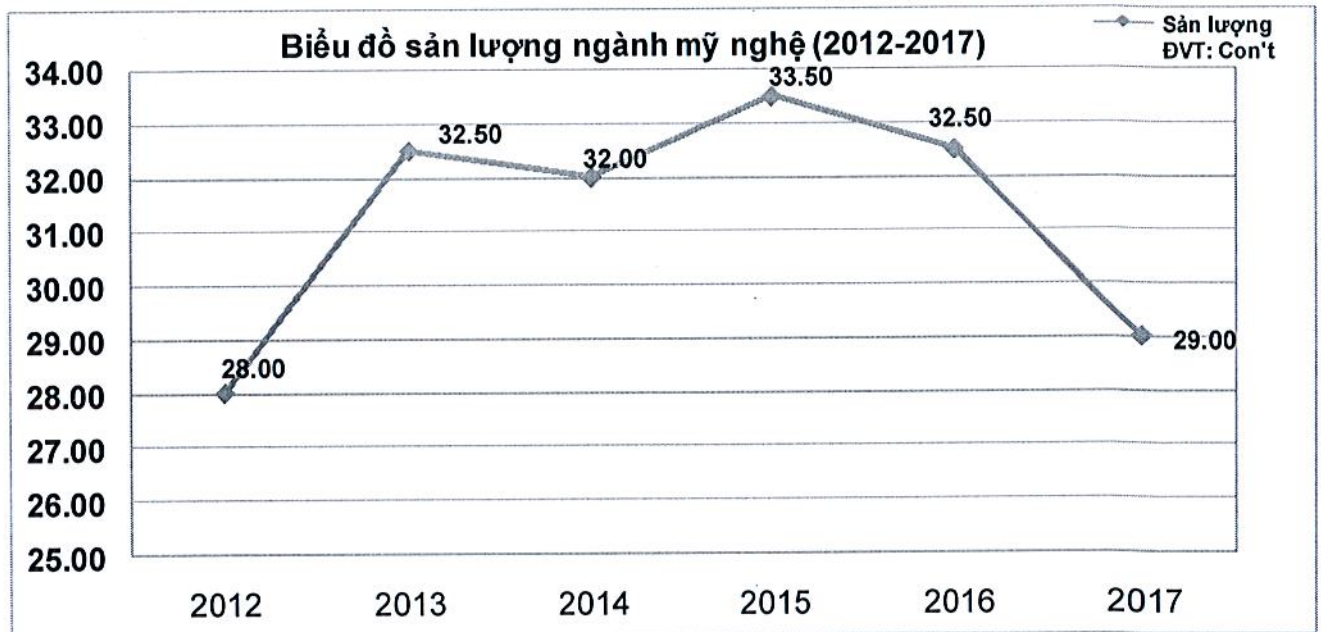


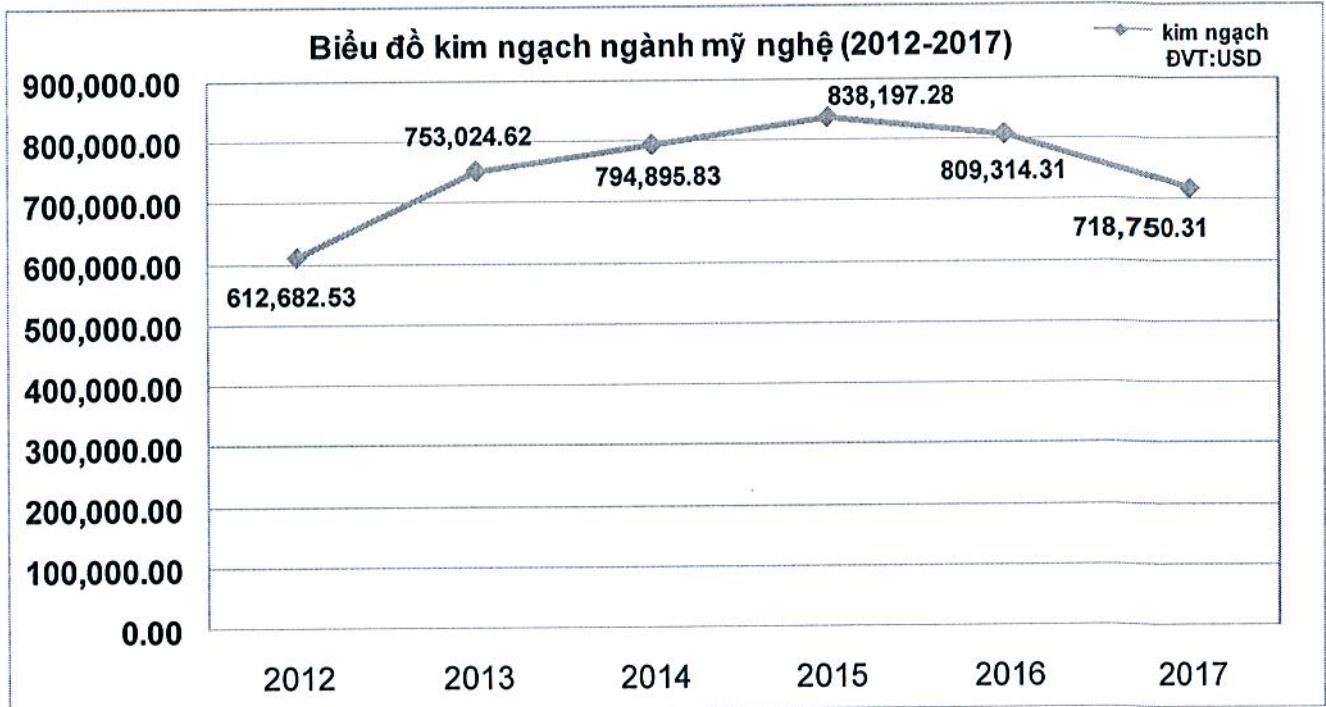
b)- Mặt hàng Mỹ nghệ:

- Xuất khẩu được: 29 Con't, đạt 85,29% so KH năm và đạt 89,23% so 2016.

Sản lượng tiêu thụ mặt hàng này ổn định qua các năm và khó tăng sản lượng do nhu cầu khách hàng và đặc thù riêng là sản xuất chủ yếu bằng thủ công, theo thời vụ

nên Công ty đã gặp rất nhiều khó khăn trong thu tuyển và đào tạo tay nghề cho người lao động. Tuy nhiên ngay từ đầu năm Ban điều hành Công ty đã chủ động đề ra các giải pháp trong tổ chức sản xuất, làm tốt công tác thu mua nguyên liệu và bảo quản tốt chất lượng thành phẩm, nên lợi nhuận mặt hàng Mỹ nghệ thực hiện được gần 1,139 tỷ góp phần vào lợi nhuận chung cho toàn Công ty



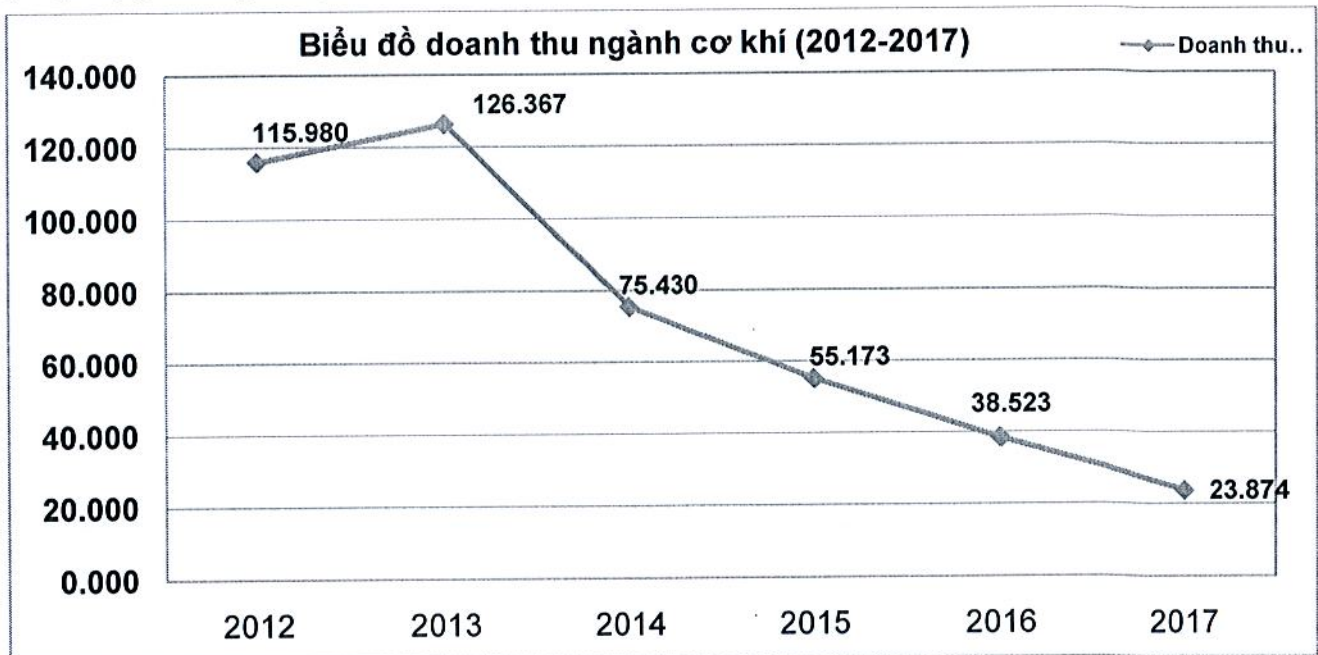


2.1.4- Mặt hàng Cơ khí – Bê tông-VLXD:

a)- Mặt hàng Cơ khí :

- Doanh thu: 23,874 tỷ đồng, đạt 56,84 % so KH năm và đạt 61,97% so 2016

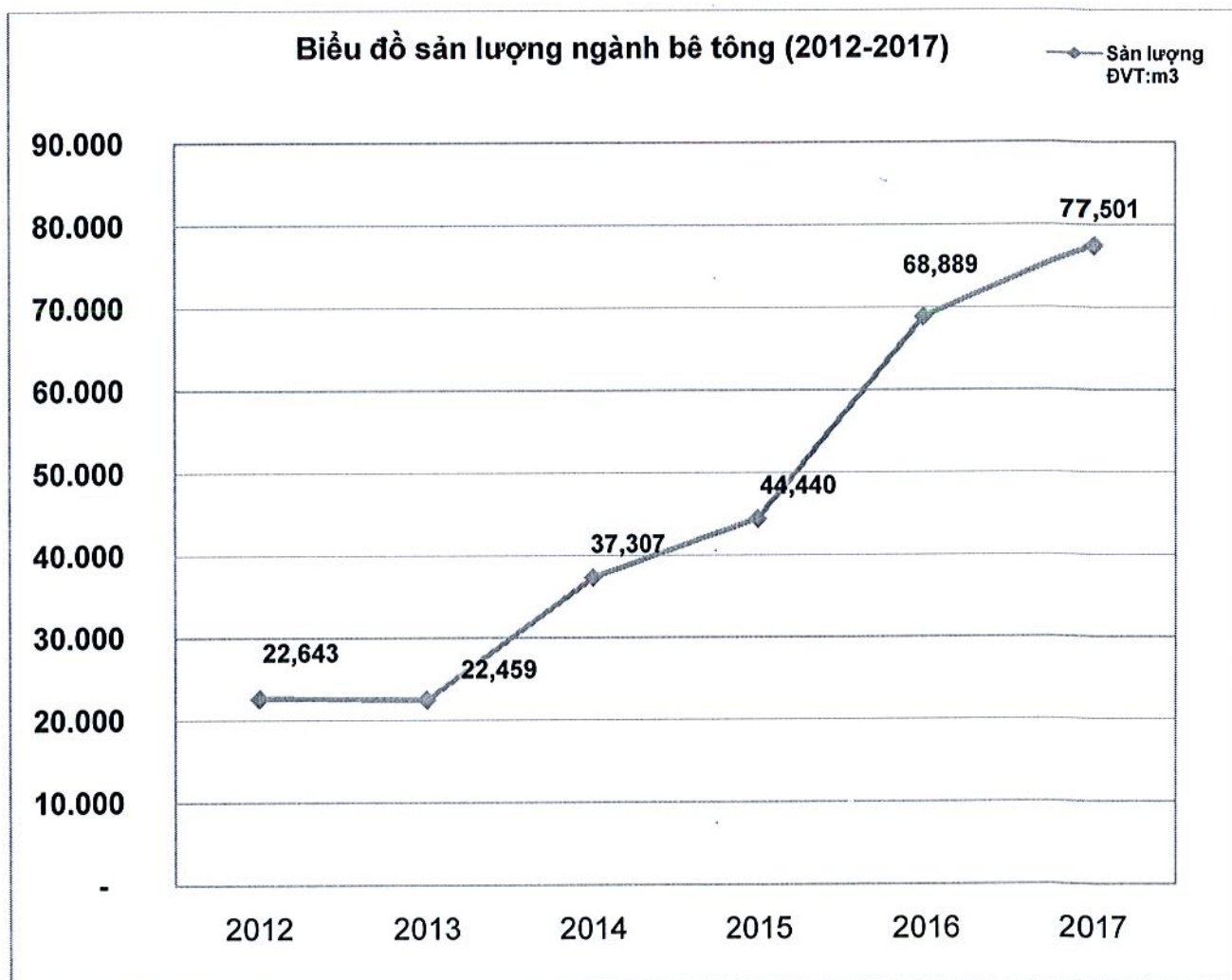
Mặt hàng Cơ khí trong năm 2017 kinh doanh không hiệu quả, doanh thu đã giảm nhiều so với năm 2016. Nguyên nhân trong năm qua ngành hàng cơ khí không tìm kiếm được hợp đồng lớn chủ yếu là hợp đồng nhỏ lẻ với giá trị rất thấp. Công ty nhận định sang năm 2018 tình hình sụt giảm doanh thu mặt hàng cơ khí có thể kéo dài. Do đó để củng cố và phát triển mặt hàng này trong thời gian tới, Công ty đã và đang tập trung sản xuất hoàn thiện, chuẩn hóa mẫu mã các sản phẩm chủ lực, là thế mạnh của Công ty. Song song đó, Công ty đã tích cực nghiên cứu sản xuất các sản phẩm mới hiện đại hơn, năng suất cao hơn nhằm đáp ứng xu thế, thị hiếu của thị trường và từng bước có những giải pháp phù hợp để phát triển ngành hàng này bền vững.

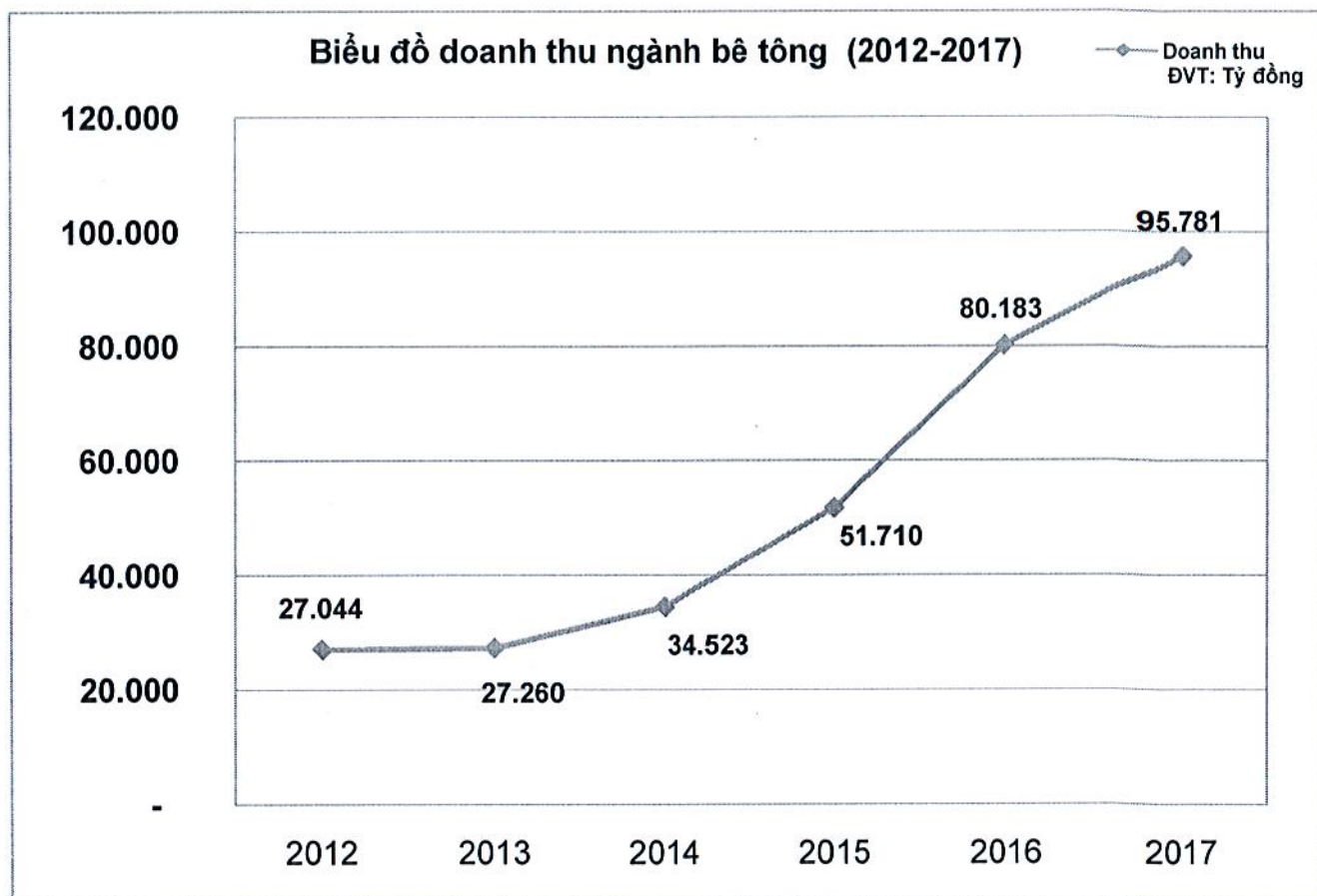


b)- Mặt hàng Bê tông - VLXD:

Tiêu thụ được: 77.501 m³, đạt 107,64 % so KH năm và đạt 112,44% so 2016.

Mặt hàng bê tông tươi năm 2017 có tốc độ tăng trưởng tốt, là ngành hành mang lại lợi nhuận lớn góp phần vào lợi nhuận chung của Công ty. Đạt được kết quả như trên là do Công ty đã đẩy mạnh tiếp thị, làm tốt công tác khai thác thị trường trong ngoài tỉnh, trong năm qua Công ty đầu tư mở rộng 01 trạm trộn bê tông 90m³/h, 02 xe vận chuyển bê tông, sửa chữa nâng cấp máy móc, thiết bị để tăng năng lực sản xuất và vận chuyển bê tông, nên sản lượng tiêu thụ bê tông đã tăng cao hơn năm 2016, đáp ứng kịp thời nhu cầu khách hàng, nâng cao uy tín, thương hiệu bê tông Mecofood.





2.2. Tổ chức và nhân sự

2.2.1. Cơ cấu tổ chức Công ty

+ Công ty gồm 5 phòng chức năng (phòng Kế hoạch Kinh doanh, phòng Kỹ thuật Công nghệ, phòng Tài chính Kế toán, phòng Kinh doanh Bê Tông và phòng Tổ chức Hành chính), 3 xí nghiệp trực thuộc (xí nghiệp Lương thực Thực phẩm, xí nghiệp Xây lắp Cơ khí, xí nghiệp Bao bì & Thủ công Mỹ nghệ) và 1 Trung tâm Phân phối Lương thực thực phẩm.

2.2.2. Tóm tắt lý lịch của các thành viên Hội đồng quản trị và ban điều hành:

*** Ông: Nguyễn Văn Kiệt**

- Ngày tháng năm sinh: 20/04/1964

- Địa chỉ thường trú: 41 Nguyễn Thông, Phường 3, TP Tân An, Long An

- Chức vụ công tác hiện nay ở Công ty: Chủ tịch Hội đồng quản trị, Cổ phần Xây lắp Cơ khí và Lương thực Thực phẩm.

*** Ông Lê Trường Sơn**

- Ngày tháng năm sinh: 10/02/1963

- Địa chỉ thường trú: 168 QL1, P5, TP Tân An, Long An

- Chức vụ công tác hiện nay ở Công ty: Thành viên HĐQT- Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Xây lắp Cơ khí và Lương thực Thực phẩm

*** Ông: Nguyễn Bình Hiển**

- Ngày tháng năm sinh: 23/07/1964

- Địa chỉ thường trú: 8/80 QL1A, Nhơn Phú, P.5, TP.Tân An, Long An

- Chức vụ công tác hiện nay ở Công ty: Thành viên Hội đồng quản trị Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây lắp Cơ khí & Lương thực Thực phẩm.

*** Ông : Lê Hoàng Nhữ**

- Ngày tháng năm sinh: 03/04/1961

- Địa chỉ thường trú: Số 303 QL62, Phường 6, TP Tân An, Long An

- Chức vụ công tác hiện nay ở Công ty: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xây lắp Cơ khí và Lương thực Thực phẩm

*** Ông Lê Văn Lộc**

- Ngày tháng năm sinh: 1957

- Địa chỉ thường trú: 409 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 3, TP. Tân An, Long An

- Chức vụ công tác hiện nay ở Công ty: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xây lắp Cơ khí và Lương thực Thực phẩm

*** Ông Nguyễn Văn Cho**

- Ngày tháng năm sinh: 29/12/1967

- Địa chỉ thường trú : 195D, Châu Thị Kim, P.7, TP.Tân An, Long An

- Chức vụ công tác hiện nay ở Công ty: Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Xây lắp Cơ khí và Lương thực Thực phẩm

*** Bà Trần Thị Phượng**

- Ngày tháng năm sinh: 1965

- Địa chỉ thường trú : 83/10 Cử Luyện P5, TP.Tân An, Long An

- Chức vụ công tác hiện nay ở Công ty: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Xây lắp Cơ khí và Lương thực Thực phẩm

2.3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

Đầu tư chiều sâu nâng cao năng lực sản xuất các mặt hàng chủ lực với những công trình đầu tư lớn như sau:

*** Văn phòng Công ty:**

-Đầu tư máy chủ phục vụ quản trị và kế toán: 34 triệu đồng

*** Mặt hàng lương thực:**

Bổ sung thiết bị vào dây chuyền sát trắng và lau bóng tại PX2: 499 triệu đồng, bồn chứa lúa: 288 triệu đồng.

*** Mặt hàng bao bì mỹ nghệ:**

Đầu tư 6 máy dệt 6 thoi: 1,543 triệu đồng

*** Mặt hàng Bê Tông -VLXD :**

- Đầu tư 01 xe xúc lật trị giá 1.305 triệu đồng,

- Đầu tư 02 xe vận chuyển bê tông trị giá 2.378 triệu đồng,

- Đầu tư trạm trộn bê tông 90m³/h trị giá 3.330 triệu đồng,

- Đầu tư xe cẩu cạp cát đá trị giá 1.545 triệu đồng,

- Đầu tư máy nén mẫu bê tông trị giá 100 triệu đồng,

- Đầu tư xe bơm bê tông trị giá 636 triệu đồng.



2.4. Tình hình tài chính:

2.4.1 Tình hình tài chính

ĐVT: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	168,609	148,954	-11,66%
Doanh thu thuần	422,769	368,172	-12,91%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	13,364	10,577	-20,85%
Lợi nhuận khác	2,643	1,825	-30,95%
Lợi nhuận trước thuế	16,007	12,402	-22,52%
Lợi nhuận sau thuế	12,821	9,920	-22,63%
Tỉ lệ chia cổ tức	11,44%/VĐL	9%/VĐL	-21,33%

2.4.2. Các chỉ tiêu tài chính:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017
1	- Tài sản ngắn hạn/ Nợ ngắn hạn	Lần	2,86	2,34	2,78
2	- Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,12	0,76	1,06
3	- Nợ phải trả/Tổng tài sản	%	25,29	30,03	21,46
4	- Nợ phải trả/vốn chủ sở hữu	%	33,86	42,92	27,22
5	- Vòng quay hàng tồn kho	Lần	5,79	5	4,79
6	- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ DT thuần	%	2,60	3,03	2,69
7	- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ vốn CSH	%	10,32	10,87	8,47
8	- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ tổng TS	%	7,71	7,60	6,66
9	- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	27,77	29,85	40,54
10	- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	72,23	70,15	59,46
11	- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản	%	74,71	69,97	78,60
12	- Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	2,86	2,34	2,78
13	- Tỉ suất LN trước thuế/DT thuần	%	3,34	3,79	3,37

2.5. Cơ cấu cổ đông

2.5.1. Cổ phần

- Tên Cổ phiếu: MCF
- Tổng số cổ phiếu thường : 8.000.000 cổ phiếu.
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 8.000.000 CP
- Cổ tức / lợi nhuận được chia cho các thành viên góp vốn : Cổ tức năm 2017 dự kiến 9% trên vốn điều lệ 80 tỷ đồng.

2.5.2. Cơ cấu cổ đông

- Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông/thành viên góp vốn trong nước.
- Cổ đông đại diện vốn Nhà nước nắm giữ 60% vốn điều lệ (4.800.000 CP),

Cổ đông lớn AFC Viet Nam Fund (AFC VF Limited) 401.300 CP chiếm 5,02% cổ đông là thể nhân, khác nắm giữ 34,98% vốn điều lệ (2.798.700 CP). Mệnh giá 10.000 đồng/CP.

- Thông tin về từng cổ đông góp vốn:

Cổ đông lớn là tổ chức:

+ Công ty TNHH MTV-Tổng Công ty Lương thực Miền Nam (Địa chỉ: 333 Trần Hưng Đạo, Quận 1, TPHCM) là cổ đông nắm giữ 4.800.000 CP, chiếm 60% vốn điều lệ.

+ AFC Viet Nam Fund (AFC VF Limited), địa chỉ : 89 Nexus Way, Camana Bay, Grand Cayman KY1-9007, Cayman Islands là cổ đông nắm giữ 401.300 CP chiếm 5,02% vốn điều lệ

+ Cổ đông lớn là thể nhân: không có.

2.6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty (báo cáo phát triển bền vững)

2.6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

a. Tổng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói sản phẩm của Công ty:

- Nguyên, nhiên vật liệu được sử dụng cho ngành hàng bao bì và thủ công mỹ nghệ như sau:

STT	Nhu cầu sử dụng	Số lượng/năm	Đơn vị tính
1	Hạt nhựa nguyên sinh	881,25	Tấn
2	Lúa tươi	1.574,36	Tấn
3	Taical, hạt màu	311,30	Tấn
4	Rơm khô	75,46	Tấn
5	Dầu nhớt	14.000	Lít

- Nguyên vật liệu được sử dụng cho ngành hàng cơ khí, bê tông tươi và VLXD như sau:

STT	Nhu cầu sử dụng	Số lượng/năm	Đơn vị tính
1	Sắt	450	Tấn
2	Đá	77.115	m ³
3	Cát	52.657	m ³
4	Xi măng	24.910	Tấn
5	Dầu nhớt	6.488	lít

- Nguyên vật liệu chính dùng cho quá trình sản xuất gạo là gạo nguyên liệu khoảng 21.767 tấn/ năm

Nhiên liệu sử dụng chính trong sản xuất gạo là dầu nhớt dùng để bôi trơn máy móc thiết bị. Lượng dầu nhớt sử dụng khoảng 80 lít/ năm.

b. Nguyên vật liệu được tái chế sử dụng để sản xuất sản phẩm

+ Ngành hàng bao bì: Sản phẩm bao bì dệt lồi, rìa bao bì được gom lại bán cho các cơ sở thu mua.

+ Ngành hàng mỹ nghệ: Nguyên liệu chủ yếu là rom khô và lúa tươi, nguyên liệu dư thừa sản phẩm hỏng được gom lại bán cho các hộ dân chăn nuôi gia súc.

+ Ngành hàng cơ khí bê tông và VLXD: Nguyên liệu dư thừa từ quá trình cắt gọt kim loại được gom lại và bán cho các cơ sở thu mua.

+ Ngành hàng lương thực: Do đặc thù của ngành nghề sản xuất kinh doanh nên ngành lương thực không có nguyên vật liệu được tái chế sử dụng.

2.6.2. Tiêu thụ năng lượng

Nguồn năng lượng chủ yếu Công ty sử dụng là điện. Nguồn điện Công ty sử dụng từ lưới điện quốc gia trong năm 2017 công ty sử dụng cho sản xuất và hoạt động văn phòng khoảng 3.424.000 kw/năm

2.6.3. Tiêu thụ nước (Mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm 2017)

a. Xí nghiệp Bao bì và Thủ công Mỹ nghệ

Hiện tại, nguồn nước xí nghiệp sử dụng lấy từ giếng khoan trong khuôn viên và nguồn nước do Công ty CP Cấp thoát nước Long An cung cấp với lưu lượng sử dụng trong năm 2017 là khoảng 1.602 m³/năm.

b. Xí nghiệp Xây lắp Cơ khí

Nguồn cung cấp nước của Xí nghiệp được lấy từ giếng khoan tại Xí nghiệp. Nhu cầu sử dụng khoảng 13.725 m³/năm. chủ yếu là dùng để trộn bê tông tươi và một phần cho sinh hoạt hằng ngày của CBCNV Xí nghiệp.

c. Xí nghiệp Lương thực Thực phẩm

Nguồn cung cấp nước của Xí nghiệp được lấy từ giếng khoan tại Xí nghiệp và nguồn nước do Công ty CP Cấp thoát nước Long An cung cấp. Nhu cầu sử dụng khoảng 2.340 m³/năm. Chủ yếu dùng sử dụng cho sinh hoạt vệ sinh hàng ngày của CBCNV của Xí nghiệp.

2.6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Công ty CP Xây Lắp – Cơ Khí và Lương Thực Thực Phẩm luôn chấp hành tốt Luật bảo vệ môi trường và các quy định Pháp Luật hiện hành. Hàng năm Công ty đã phối hợp với đơn vị tư vấn môi trường tiến hành đo đạc, phân tích chất lượng môi trường tại các Xí nghiệp trực thuộc Công ty để kiểm soát ô nhiễm, khắc phục những thiếu sót và tồn tại trong công tác bảo vệ môi trường, tìm ra các giải pháp nhằm làm giảm thiểu ô nhiễm.

a. Bụi, khí thải

Lượng bụi và khí thải phát tán trong các Xí nghiệp ảnh hưởng nhiều đến công suất và sức khỏe của công nhân. Do đó, Công ty đã hạn chế tới mức thấp nhất các tác động của bụi đối với công nhân sản xuất và bảo đảm sức khỏe công nhân bằng các biện pháp sau:

- Xây dựng nhà xưởng theo đúng quy định nhà công nghiệp, đảm bảo độ thông thoáng cần thiết.
- Lắp đặt các hệ thống thông gió phù hợp cho nhà xưởng.
- Công nhân được trang bị bảo hộ lao động như: Bao tay, khẩu trang, nút chống ồn, dép nhựa, yếm che, nón bảo hộ...
- Định kỳ khám sức khỏe cho công nhân viên để hạn chế phát sinh bệnh nghề nghiệp.
- Thường xuyên kiểm tra việc quét dọn vệ sinh nhà xưởng.
- Khu vực đường nội bộ sẽ thường xuyên được làm vệ sinh và phun nước tưới ẩm vừa làm giảm bụi, vừa làm giảm bức xạ nhiệt từ mặt đường.
- Các phương tiện giao thông khi lưu thông trong Xí nghiệp phải giảm tốc độ theo quy định và phải được che phủ cẩn thận.

b. Tiếng ồn, độ rung

Mặc dù các nguồn phát sinh tiếng ồn trong hoạt động sản xuất của Công ty không nhiều, nhưng Công ty vẫn thực hiện các biện pháp nhằm giảm thiểu tối đa mức gây ồn để tránh ảnh hưởng đến sức khỏe của công nhân lao động:

- Tách riêng khu vực sản xuất với văn phòng.
- Thường xuyên kiểm tra độ cân bằng của máy trong quá trình hoạt động, kiểm tra độ mòn chi tiết và thường kỳ cho dầu bôi trơn, đặc biệt đối với những bộ phận truyền động.
- Trong trường hợp máy móc có bộ phận rơ mòn, sẽ được nhân viên kỹ thuật thay thế và sửa chữa kịp thời.
- Thường xuyên đo đạc giám sát độ ồn của máy móc thiết bị để có biện pháp thay thế khắc phục kịp thời.
- Đúc móng máy đủ khối lượng bê tông mác cao, tăng chiều sâu móng, đào rãnh đổ cát khô để tránh rung theo mặt nền.
- Kiểm tra độ mài mòn chi tiết, thường kỳ cho dầu bôi trơn hoặc thay những chi tiết hư hỏng.
- Công nhân được trang bị đầy đủ nút chống ồn.
- Có kế hoạch kiểm tra và theo dõi chặt chẽ việc sử dụng các phương tiện bảo hộ lao động thường xuyên của công nhân.

c. Các biện pháp không chế nhiệt thừa

Để hạn chế ảnh hưởng của nhiệt thừa và đảm bảo điều kiện vi khí hậu tốt cho công nhân đứng máy, các Xí nghiệp đã áp dụng các biện pháp sau:

- Xây dựng nhà xưởng cao ráo, thoáng mát đúng tiêu chuẩn kỹ thuật, phù hợp với loại hình công nghệ sản xuất.
- Bố trí cửa thông thoáng gió xung quanh tường các xưởng sản xuất hoặc dùng quạt gió trực đứng để gia tăng vận tốc gió cục bộ trong phân xưởng.

- Trồng nhiều cây xanh trong khuôn viên công ty (đảm bảo diện tích cây xanh chiếm tối thiểu 15% tổng diện tích mặt bằng).
- Trang bị đầy đủ các trang phục cần thiết về an toàn lao động để hạn chế thấp nhất các tác hại đối với công nhân. Các trang phục này bao gồm quần áo và phương tiện bảo hộ lao động (quần áo bảo hộ, giày bảo hộ, nón bảo hộ, yếm che, khẩu trang, găng tay, nút chống ồn).

Tóm lại, việc hạn chế ảnh hưởng của nhiệt thừa và cải tạo môi trường vi khí hậu là một công tác khá quan trọng. Tình trạng xấu của môi trường vi khí hậu không chỉ ảnh hưởng tới công nghệ sản xuất, chất lượng sản phẩm mà còn ảnh hưởng tới cường độ lao động của người công nhân sản xuất: điều kiện lao động nóng, bụi không chỉ ảnh hưởng tới sức khỏe mà còn ảnh hưởng tới năng suất lao động của họ.

d. Biện pháp khống chế ô nhiễm do nước thải

Nước mưa chảy tràn

Hệ thống thoát nước mưa được thiết kế tách riêng với hệ thống thoát nước thải.

Lượng nước mưa chảy tràn trên mặt đường giao thông nội bộ, sân, ... được lọc rác có kích thước lớn bằng các tấm lưới thép hoặc các song chắn rác tại các hố ga trước khi chảy ra nguồn tiếp nhận.

Nước mưa từ mái các nhà xưởng sẽ được thu gom vào các ống đứng bằng nhựa sau đó sẽ được xả vào hệ thống thoát nước mưa.

Nước thải sinh hoạt

Phát sinh chủ yếu từ nhu cầu sử dụng nước của CBNV như: vệ sinh cá nhân, rửa tay,... Nước thải được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 3 ngăn đặt ngầm dưới đất. Nước thải sau xử lý sẽ được lưu thông trong bể một thời gian dài để đảm bảo hiệu suất lắng rồi mới chuyển qua ngăn lọc và dẫn vào hệ thống chung của khu vực.

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh các âu tiêu, nước tắm, rửa được thu gom và dẫn vào bể tự hoại 3 ngăn để xử lý. Bể tự hoại 3 ngăn là loại bể chứa gồm 1, 2, 3 ngăn. Bể này có thể xử lý toàn bộ các loại nước phân, tiểu. Khi nước thải chảy vào bể nó được làm sạch nhờ 2 quá trình chính là lắng cặn và lên men cặn, sau đó chảy qua ngăn thứ 3 trước khi đến bể lắng, hố ga sau đó thoát ra cống thoát chung.

Nước thải sản xuất

Do đặc trưng của ngành nghề sản xuất nên hoạt động sản xuất của Công ty không phát sinh nước thải sản xuất chỉ phát sinh lượng nước vệ sinh phân xưởng, tuy nhiên lượng nước thải này rất ít và phát sinh không thường xuyên, ngoại trừ ngành hàng sản xuất bê tông tươi của Công ty có phát sinh nước thải sản xuất nhưng được xử lý bằng hệ thống xử lý nước thải trước khi thải ra môi trường bên ngoài.

e. Biện pháp khống chế ô nhiễm do chất thải rắn

Đối với chất thải rắn thông thường

Để giảm thiểu ô nhiễm do chất thải rắn thông thường, Công ty đã áp dụng các biện pháp quản lý sau:

- Thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn, chia làm 2 nhóm chính:

+ Nhóm các chất có thể thu hồi để tái sử dụng: các loại phế phẩm như bao bì, giấy carton, chai lọ, vỏ chai bia..)

+ Nhóm các chất thải cần xử lý: Các chất thải hữu cơ dễ phân hủy như rau, thực phẩm dư thừa... được phân loại riêng để thu gom xử lý theo quy định. Các chất thải rắn khác không thể tái sử dụng được thu gom, quét dọn hằng ngày và lưu trữ đúng quy định;

- Công ty đã thường xuyên giáo dục ý thức giữ gìn vệ sinh chung cho tất cả các nhân viên, ban hành các nội quy về bảo vệ môi trường để thực hiện;

- Công ty đã đặt các thùng rác tại các khuôn viên xung quanh Công ty, tránh được tình trạng vứt rác bừa bãi;

Các loại chất thải rắn thải sinh hoạt phát sinh tại các Xí nghiệp và văn phòng Công ty đã được chúng tôi hợp đồng với Công ty Công trình Đô Thị thu gom, vận chuyển và xử lý.

- Đối với chất thải rắn sản xuất

Trong thời gian hoạt động xí nghiệp đã thực hiện các biện pháp để quản lý đối với chất thải rắn sản xuất như sau:

+ Rìu bao, dây nilon, chỉ may, kim loại vụn được thu gom và bán lại cho các cơ sở thu mua.

+ Rơm khô bỏ ra từ quá trình lựa lúa, cắt tỉa sản phẩm được thu gom bán các hộ dân chăn nuôi gia súc.

+ Lượng còn lại không bán được thì thu gom lại cùng với rác thải sinh hoạt

- Đối với chất thải rắn nguy hại:

Hình thức lưu trữ: Lưu trữ trong các thùng chứa kín có nắp đậy, gắn dấu hiệu cảnh báo và không để lẫn với chất thải khác.

Do khối lượng phát sinh chất thải nguy hại tại Công ty với khối lượng rất ít. Riêng đối với lượng bóng đèn huỳnh quang và giẻ lau dính dầu thải, Công ty sẽ tiến hành thu gom riêng, lưu trữ nơi riêng biệt có dán nhãn và định kỳ 6 tháng Công ty đã tiến hành thuê đơn vị có chức năng vận chuyển thu gom, xử lý theo đúng quy định.

f. Biện pháp phòng chống các sự cố môi trường

- Trang bị đầy đủ các dụng cụ phòng cháy chữa cháy, hệ thống báo cháy điện tử tự động, có phương án PCCC và tuân theo mọi quy định nghiêm ngặt về PCCC.

- Bố trí các dụng cụ: bình chữa cháy, các họng cứu hỏa, bể chứa nước... ở các vị trí hợp lý để ứng cứu kịp thời khi có sự cố cháy nổ xảy ra.

- Phối hợp với Công an PCCC lập kế hoạch và triển khai các công việc cụ thể nhằm đảm bảo an toàn lao động tuyệt đối cho người lao động, tổ chức các đợt huấn luyện và diễn tập cho công nhân của Công ty.

- Công ty cũng thành lập một đội PCCC gồm 3 tổ chữa cháy, cứu thương và vận chuyển để ứng phó khi có tình huống cháy, nổ xảy ra.

- Bảo quản các nguyên vật liệu, sản phẩm an toàn, tránh xa nguồn có khả năng gây nổ.

- Kiểm tra biển báo, biển cấm lửa, hệ thống báo cháy tự động, nội quy PCCC.

- Lắp hệ thống chống sét tại các điểm cao nhất của nhà xưởng.

Ngoài các biện pháp phòng chống cháy nổ như trên, Công ty cũng thực hiện các biện pháp sau để đảm bảo an toàn vệ sinh lao động, đảm bảo sức khỏe cho công nhân:

- Toàn thể công nhân được học tập về an toàn lao động.
- Trang bị các dụng cụ an toàn lao động cho công nhân khi vận hành đặt biệt như: sửa chữa, bảo trì các thiết bị.
- Kiểm tra và theo dõi sức khỏe định kỳ cho công nhân.
- Đảm bảo các yếu tố vi khí hậu và điều kiện lao động đạt tiêu chuẩn của Bộ y tế.
- Không chế các nguồn gây ô nhiễm đạt tiêu chuẩn quy định để tránh các bệnh nghề nghiệp.

2.6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

- + Tổng số CNV lao động là 313 người
- + Mức lương trung bình năm 2017 của Công ty là 6,563 triệu đồng/người/tháng
- Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và bảo hiểm thân thể cho CBCNVLĐ; thực hiện chế độ trợ cấp độc hại cho công nhân làm việc trong môi trường độc hại, bệnh nghề nghiệp; chăm lo đời sống người lao động, phân phối tiền lương, tiền thưởng và tặng quà CNVC-LĐ nhân dịp tết cổ truyền và các ngày lễ lớn trong năm.

- Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện cấp Bảo hộ lao động trong toàn Công ty; Tổ chức tập huấn ATVSLĐ, ATVSTP, khám sức khỏe định kỳ cho người lao động, đo môi trường lao động.

2.6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Bên cạnh việc tập trung cho hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm hoàn thành kế hoạch năm 2017 Công ty luôn quan tâm chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động và có nhiều đóng góp cho cộng đồng địa phương như:

- Phối hợp chăm lo đời sống Người lao động, phân phối tiền lương, tiền thưởng và tặng quà CNVC-LĐ nhân dịp Lễ, Tết DL, Tết Cổ truyền, 30/4 và 2/9

- Thực hiện vay vốn không tính lãi từ quỹ hỗ trợ người lao động cho CNVC-LĐ số tiền 90 triệu đồng để làm kinh tế phụ gia đình.

- Xét 01 hồ sơ xin “mái ấm công đoàn” do liên đoàn lao động tỉnh Long An hỗ trợ 30 triệu đồng và công đoàn cơ sở Công ty đã hỗ trợ xây nhà đại đoàn kết cho Công đoàn viên 10 triệu đồng

- Tổ chức tham quan nghỉ mát cho người lao động tại Vũng tàu, Mũi Né - Bình Thuận và biển Thạnh Phú Bến Tre

- Tổ chức kỷ niệm ngày Quốc tế phụ nữ (8/3) và 20/10; Tổ chức tặng quà cho các con CNCNV nhân ngày quốc tế 1/6 và Tết Trung thu;

III. Báo cáo đánh giá của Ban Tổng giám đốc

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2017			So cùng kỳ 2016(%)
			Kế hoạch	Thực hiện	So KH năm 2017 (%)	



1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	420	370,368	88,18%	86,98%
2	Lợi nhuận Tr.thuế	Tỷ đồng	16,2	12,402	76,56%	77,48%
3	Nộp Ngân sách	Tỷ đồng	4,014	5,186	129,20%	81,30%
4	Thu nhập b/q	Tr đồng	7,150	6,563	91,79%	93,09%

3.1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Năm 2017 tình hình kinh tế thế giới cũng như trong nước còn nhiều khó khăn;

Thị trường xuất khẩu gạo năm 2017 diễn biến phức tạp khó lường, Giá xuất khẩu đầu năm thấp và tăng mạnh dần vào những tháng cuối năm, giao dịch sôi động, nguồn cung trong nước ít, cơ cấu chủng loại giống lúa cũng thay đổi, các loại giống gạo thơm và nếp tăng mạnh, gạo thông dụng giảm,... thị trường nội địa giá cả biến động mạnh và tăng nhanh. Trong nước các doanh nghiệp kinh doanh gạo đẩy mạnh khai thác thị trường nội địa làm cho thị trường bị chia nhỏ.

Đối với ngành hàng bê tông VLXD nguyên vật liệu đầu vào như cát, đá trong năm qua có thời điểm tăng đột biến gây ảnh hưởng không nhỏ đến sản xuất kinh doanh của ngành hàng này.

Đối với ngành hàng bao bì giá dầu thế giới liên tục tăng trong thời gian qua làm cho nguyên liệu đầu vào của ngành hàng bao bì như hạt nhựa tăng mạnh.

Ngay từ đầu năm Công ty đã nhận định, đánh giá những thuận lợi và khó khăn của thị trường trong từng thời điểm để chủ động, xây dựng các phương án kinh doanh và có những giải pháp phù hợp đối với từng mặt hàng, phát huy những thế mạnh, hạn chế những rủi ro, nắm bắt thời cơ, chọn thời điểm thích hợp để quyết định mua vào, bán ra có hiệu quả.

3.2. Kế hoạch phát triển của Công ty trong năm 2018

+ Các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận:

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2018	GHI CHÚ
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	400	
2	Lợi nhuận	Tỷ đồng	12,50	
3	Nộp Ngân sách	Tỷ đồng	4,00	
4	Thu nhập b/q	Tr đồng	7,15	

+ Các chỉ tiêu mua vào bán ra:

Stt	Diễn giải	ĐVT	KH 2018	GHI CHÚ
1	- Lương thực mua vào quy gạo: Trong đó : + Gạo các loại : + Lúa các loại :	Tấn Tấn Tấn	30.000 28.000 4.000	

30664
CÔNG
CỔ PH
Y LẮP-
LƯƠNG
THỰC
AN AN

	- Lương thực bán ra quy gạo Trong đó: + Xuất khẩu + Gạo Nội địa	Tấn Tấn Tấn	30.000 10.000 20.000	
2	Bao bì (quy chuẩn 120)	Triệu cái	12.000	
3	Mỹ nghệ	Con't	30	
4	Doanh số cơ khí	Tỷ đồng	30	
5	Bê tông	M ³	78.000	

+ Các giải pháp đối với các ngành hàng:

Mặt hàng lương thực:

Để đạt được kế hoạch, Công ty phải tăng cường công tác tiếp thị, khai thác thị trường, đặc biệt là củng cố và phát triển thị trường gạo nội địa; đẩy mạnh xuất khẩu trực tiếp; nâng cao hiệu quả công tác thông tin, dự báo thị trường.

Công ty xác định thị trường nội địa là nền tảng kinh doanh bền vững và tiềm năng để tăng sản lượng, tăng hiệu quả kinh doanh trong năm 2018, do đó cần chú trọng đẩy mạnh công tác xây dựng, tiếp cận hệ thống phân phối, cải tiến chất lượng sản phẩm, cải tiến bao bì cho phù hợp với từng phân khúc khách hàng.

Thị trường xuất khẩu phải giữ được những thị trường, khách hàng hiện có, tìm kiếm thêm khách hàng mới.

Tổ chức quản lý tốt chất lượng tại vùng nguyên liệu; quản lý thu mua, và quản lý chất lượng đầu vào, cơ cấu hàng tồn kho phù hợp với nhu cầu thị trường nội địa và xuất khẩu.

Chú trọng nâng cao tinh thần trách nhiệm, ý thức chủ động trong kinh doanh của lãnh đạo và đội ngũ cán bộ, nhân viên của Xí nghiệp và Công ty.

Tập trung đầu tư công nghệ, máy móc thiết bị, kho tàng, nhà xưởng nhằm ổn định chất lượng và giảm chi phí sản xuất.

Mặt hàng Bao bì – Mỹ nghệ:

- Về bao bì tập trung quản lý chất lượng sản phẩm bao bì, hạn chế tối đa sản phẩm hỏng và phế phẩm, tăng thu hồi; tích cực tiếp thị để tiêu thụ sản phẩm trong thị trường nội địa lẫn xuất khẩu.

- Về Mỹ nghệ: Tập trung nghiên cứu chế tạo thiết bị, công cụ hỗ trợ, đưa vào ứng dụng sản xuất một số công đoạn thay thế cho lao động thủ công nhằm tăng năng suất lao động, đáp ứng thực trạng không thu tuyển được lao động để sản xuất mặt hàng này trong nhiều năm qua. Trong năm qua công ty đã nghiên cứu chế tạo được máy sử dụng lại rơm phế để chế tạo sản phẩm của mặt hàng mỹ nghệ giúp giảm giá thành sản phẩm. Trong thời gian tới công ty tiếp tục đẩy mạnh việc nghiên cứu chế tạo máy thay thế cho các khâu làm việc thủ công để tăng năng suất lao động. Chú trọng đào tạo tay nghề, thu tuyển công nhân mỹ nghệ để đảm bảo đủ năng lực sản xuất giao hàng kịp thời; quan tâm quản lý chất lượng sản phẩm trong quá trình sản xuất và bảo quản.

038 - C
TỶ
ÁN
CƠ KHÍ
G THỰC
PHẨM
-T. LO

- Tìm mọi biện pháp để giảm giá thành, đối với mặt hàng Mỹ nghệ phải tăng tỷ lệ thu hồi sậy, giảm lúa phế, rơm phế và tận dụng lúa phế, rơm phế làm shin, tiết kiệm tối đa nguyên liệu đầu vào xem đây làm nhiệm vụ hàng đầu năm 2018 để tiết giảm chi phí cho Công ty trong điều kiện khó tăng sản lượng và chi phí mua lúa, rơm ngày càng tăng.

- Tận dụng tối đa nguyên vật liệu sau gia công, sơ chế để đưa vào sản xuất phù hợp với tính chất của từng sản phẩm.

Mặt hàng Cơ khí – Bê tông-VLXD:

- Tiếp tục cải tiến mẫu mã và năng suất thiết bị các sản phẩm cơ khí, đáp ứng tốt yêu cầu của khách hàng. Chú trọng lao động kỹ thuật có trình độ tay nghề và sắp xếp hợp lý lao động phổ thông trong các tổ đội sản xuất. Tăng cường công tác tiếp thị chăm sóc khách hàng đặc biệt là khách hàng truyền thống để tư vấn trong việc nâng cấp dây chuyền, thiết bị nhằm đáp ứng nhu cầu chất lượng gạo ngày càng cao.

- Tích cực khai thác khách hàng tiêu thụ bê tông tươi và vật liệu xây dựng để tăng sản lượng và thị phần tiêu thụ tương ứng với năng lực thiết bị hiện có của Công ty. Do thị phần bị cạnh tranh gay gắt và chia nhỏ nên bộ phận bán hàng cần đẩy mạnh tiếp thị, khai thác mở rộng thêm các khu vực trong và ngoài tỉnh nhằm phát huy hiệu quả năng lực đầu tư và hoàn thành kế hoạch sản lượng tiêu thụ đã đề ra.

- Chú trọng lao động kỹ thuật có trình độ tay nghề và sắp xếp hợp lý lao động phổ thông trong các tổ đội sản xuất.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty.

4.1. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:

Năm 2017 mặc dù nền kinh tế nước ta còn nhiều khó khăn, ảnh hưởng trực tiếp đến các ngành hàng sản xuất kinh doanh của Công ty, nhưng Ban điều hành Công ty đã có những nhận định, định hướng đúng, chỉ đạo kịp thời cho từng ngành hàng, phát huy những ngành hàng có thế mạnh như thủ công mỹ nghệ và bê tông tươi, đây là hai mặt hàng phát triển ổn định và có hiệu quả tốt góp phần lớn vào hiệu quả chung của Công ty; các ngành hàng khác tuy còn gặp nhiều khó khăn khi phải cạnh tranh khốc liệt về giá bán, về thị trường tiêu thụ, nhưng Ban điều hành Công ty đã nỗ lực rất lớn, khắc phục mọi khó khăn, đề ra nhiều biện pháp, giải pháp phù hợp, linh hoạt để sản xuất kinh doanh của Công ty có hiệu quả, đảm bảo việc làm, thu nhập và đời sống người lao động. Đạt được kết quả trên, trước hết là do sự nỗ lực của tập thể CBCNV-NLĐ trong toàn Công ty và sự quan tâm của Tổng Công ty Lương thực Miền Nam cũng như sự ủng hộ của các đơn vị thành viên trong hệ thống Tổng Công ty, của khách hàng đã tin nhiệm sử dụng các sản phẩm và dịch vụ của Công ty.

Mặc dù có nhiều nỗ lực và cố gắng trong chỉ đạo và điều hành nhưng một số chỉ tiêu vẫn chưa đạt kế hoạch và đạt thấp so với cùng kỳ 2016 như doanh thu, lợi nhuận và sản lượng mua vào bán ra.

Nguyên nhân khách quan là do ảnh hưởng tình hình kinh tế - xã hội chung của cả nước, tình hình kinh tế thế giới;

Nguyên nhân chủ quan đó là: Việc nhận định, đánh giá tình hình còn một số hạn chế, nên công tác mua vào khi vào vụ chậm, sản lượng đạt ít nên mất cơ hội cạnh tranh khi giá biến động thất thường; công tác cải tiến sản phẩm, cải tiến máy móc thiết bị còn chậm; mạng lưới kinh doanh và tiếp thị, khai thác khách hàng, mở rộng thị trường còn yếu làm cho khả năng cạnh tranh một số ngành hàng còn thấp.

Do đó, Ban điều hành Công ty đã rút ra được nhiều bài học kinh nghiệm và làm cơ sở để điều chỉnh công tác quản trị điều hành và đề ra các giải pháp thực hiện tốt hơn hoạt động SXKD trong năm 2018.

4.2. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám Đốc:

Nhìn chung trong năm 2017 tình hình kinh doanh của công ty gặp nhiều khó khăn: Đối với ngành hàng cơ khí thì doanh thu sụt giảm nghiêm trọng.

Ngành hàng lương thực xuất khẩu kinh doanh trầm lắng đầu năm và có dấu hiệu tăng mạnh vào những tháng cuối năm nguồn cung trong nước ít, thị trường gạo nội địa giá cả biến động mạnh và tăng nhanh. Trong nước các doanh nghiệp kinh doanh gạo đẩy mạnh khai thác thị trường nội địa làm cho thị trường bị chia nhỏ

Đối với ngành hàng bao bì giá dầu thế giới liên tục tăng trong thời gian qua làm cho giá nguyên liệu đầu vào của ngành hàng bao bì như hạt nhựa tăng mạnh

đối với ngành hàng bê tông VLXD nguyên liệu đầu vào như cát đá trong năm qua có thời điểm tăng đột biến gây ảnh hưởng không nhỏ đến sản xuất kinh doanh của ngành hàng này

Đứng trước những khó khăn trên nhưng Ban điều hành Công ty đã thể hiện rất tốt vai trò trong lãnh đạo, chỉ đạo, đã lãnh đạo Công ty thực hiện tốt nhiệm vụ trong năm 2017, thực hiện theo đúng Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty cũng như các quy định của pháp luật, không để phát sinh công nợ khó đòi và kinh doanh có hiệu quả, tạo được việc làm và thu nhập ổn định cho CBCNV, Ban lãnh đạo công ty đã nỗ lực tìm kiếm khách hàng trong và ngoài nước để bán ra sản phẩm nhất là ngành hàng bê tông tươi và vật liệu xây dựng, bao bì... Mặc dù trong năm 2017 kết quả kinh doanh không đạt được như mong muốn như Tổng doanh thu trong năm 2017 đạt 88,18% so với kế hoạch, đạt 86,96% so với năm 2016, lợi nhuận trong năm 2017 đạt 76,56% so với kế hoạch, đạt 77,48% so với năm 2016 nhưng đây là một sự nỗ lực rất lớn của Ban điều hành và toàn thể CBCNV Công ty cần được biểu dương.

4.3. Kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị.

- Duy trì sản xuất ổn định và kiểm soát chặt chẽ các tiêu chuẩn an toàn vệ sinh thực phẩm nhằm bảo đảm chất lượng sản phẩm cung ứng cho khách hàng.

- Cung cấp dịch vụ tốt nhất cho khách hàng: Giao hàng đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng sản phẩm chính xác theo hợp đồng.

- Tăng cường công tác quảng bá thương hiệu và sản phẩm trên website, các phương tiện thông tin đại chúng.

- Với chiến lược phát triển bền vững, trong thời gian tới Công ty xác định tập trung đầu tư mới máy móc thiết bị để phát triển ngành lương thực, Bê tông -VLXD và bao bì. Bên cạnh đó tiếp tục duy trì ổn định mặt hàng cơ khí, mỹ nghệ.

- Đẩy mạnh tìm kiếm khách hàng tiềm năng ở những thị trường mới thông qua các hội chợ nông sản quốc tế.

- Không ngừng nghiên cứu sản xuất ra các sản phẩm mới đáp ứng nhu cầu thị trường.

- Tổ chức thực hiện phương án đầu tư cánh đồng lớn năm 2018; triển khai thực hiện liên kết sản xuất và bao tiêu sản phẩm vụ mùa Đông Xuân năm 2018

- Liên kết với các doanh nghiệp cung ứng, hợp tác xã, thương lái và các doanh nghiệp sơ chế để thực hiện công tác thu mua, vận chuyển, sấy, sơ chế, ...phục vụ công tác cánh đồng lớn theo phương án năm 2018.

V. Quản trị Công ty

5.1. Hội đồng quản trị

5.1.1 Thành viên và cơ cấu của HĐQT

Hội đồng quản trị có 05 thành viên trong đó 03 thành viên trực tiếp điều hành và 02 thành viên độc lập không trực tiếp điều hành.

+ 02 thành viên không trực tiếp điều hành:

Ông Lê Văn Lộc Ủy viên

Ông Lê Hoàng Nhữ Ủy viên

+ 03 thành viên trực tiếp điều hành:

Ông Nguyễn Văn Kiệt Chủ tịch

Ông Lê Trường Sơn Ủy viên-Tổng Giám đốc Công ty

Ông Nguyễn Bình Hiền Ủy viên-Phó Tổng Giám đốc Công ty

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần/vốn góp và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần/vốn góp của thành viên HĐQT tại ngày 31/12/2017.

Họ và tên	Số lượng CP	Tỷ lệ	Ghi chú
Ông Nguyễn Văn Kiệt	1.850.600	23,132%	Trong đó đại diện vốn nhà nước là 23%
Ông Lê Trường Sơn	1.622.000	20,275%	Trong đó đại diện vốn nhà nước là 20%
Ông Nguyễn Bình Hiền	1.386.980	17,337%	Trong đó đại diện vốn nhà nước 17%
Ông Lê Hoàng Nhữ	-	-	
Ông Lê Văn Lộc	30.700	0,384%	Trong đó vốn cá nhân 0,384%
Tổng cộng	4.890.280	61,128%	

Cổ phần thuộc vốn cá nhân, khác có 3.109.720 cổ phần, chiếm tỷ lệ 38,872% vốn điều lệ.

5.1.2. Các cuộc họp của HĐQT

STT	Thành Viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Nguyễn Văn Kiệt	Chủ tịch HĐQT	12/12	100 %	
2	Lê Trường Sơn	UV HĐQT	8/8	100 %	
3	Nguyễn Bình Hiền	UV HĐQT	12/12	100 %	
4	Lê Văn Lộc	UV HĐQT	12/12	100 %	
5	Lê Hoàng Nhữ	UV HĐQT	12/12	100 %	

Do ông Lê Trường Sơn được bầu làm TVHĐQT ngày 4/4/2017 nên các cuộc họp trước đó không tham dự.

5.1.3. Hoạt động của HĐQT:

Hội đồng quản trị hoạt động theo đúng quy định của Điều lệ Công ty, Luật doanh nghiệp, các cuộc họp của HĐQT được duy trì đều đặn, Hội đồng quản trị luôn bám sát định hướng của nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và tình hình thực tế của Công ty đề ra các Nghị quyết, Quyết định các nội dung chủ yếu thuộc chức trách, nhiệm vụ của Hội đồng quản trị để chỉ đạo, quản lý giám sát các hoạt động của Công ty.

Kiểm tra chặt chẽ hoạt động của Ban Tổng Giám đốc trong các công việc sau:

- Giám sát việc thực hiện Nghị quyết của ĐHCĐ thường niên năm 2017 và Nghị quyết của HĐQT.

- Giám sát công tác chỉ đạo điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2017 đã đề ra, đồng thời Chủ tịch HĐQT tham gia các cuộc họp hàng Quý với Ban Tổng giám đốc và các phòng ban, đơn vị để nghe báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh tháng, quý, năm và có ý kiến chỉ đạo trực tiếp tại cuộc họp.

- Thực hiện chỉ đạo xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017 cho phù hợp với thực tế của Công ty.

- Giám sát việc thực hiện chế độ báo cáo, công bố thông tin định kỳ và bất thường tới UBCKNN, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

- Ban hành kịp thời các Nghị quyết, quyết định, văn bản thuộc phạm vi thẩm quyền của HĐQT.

- Ngoài ra, khi có phát sinh những vấn đề thuộc phạm vi thẩm quyền của HĐQT, Ban Tổng giám đốc Công ty đều xin ý kiến của HĐQT bằng việc triệu tập cuộc họp hoặc bằng văn bản và phải có sự thống nhất của tất cả các thành viên trong HĐQT.

5.2. Ban kiểm soát

5.2.1. Thành viên Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát gồm 03 thành viên:

STT	Họ tên	Chức vụ	Số CP	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
1	Ông Võ Văn Lệt	TBKS	400	0.005	
2	Bà Nguyễn Thị Bảy	TV BKS	1.142	0,0142	
3	Bà Trần Thị Yên	TV BKS	40.500	0,506	

5.2.2. Hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát đã tiến hành các hoạt động kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty trong việc quản lý và điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2017 cụ thể:

Kiểm tra, giám sát công tác hạch toán kế toán Công ty đảm bảo tuân thủ chế độ kế toán và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Xem xét báo cáo tài chính định kỳ hàng tháng, quý và cả năm. Từ đó phân tích đánh giá tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh và hiệu quả sử dụng vốn.

Tham gia phối hợp cùng đơn vị kiểm toán về phạm vi, nội dung thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2017 thẩm định báo cáo tài chính năm 2017 trước và sau kiểm toán, đồng thời xem xét các ý kiến của kiểm toán viên độc lập. Ban kiểm soát đã nhận định Báo cáo tài chính năm 2017 đã phản ánh trung thực, hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính tại thời điểm 31/12/2017.

Bên cạnh đó Ban kiểm soát đều tham dự đầy đủ các cuộc họp định kỳ hàng quý giữa Hội đồng quản trị với Ban Tổng Giám đốc để nghe Ban Tổng giám đốc báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh từng quý và mục tiêu phương hướng hoạt động tiếp theo nhằm hoàn thành kế hoạch đề ra trong năm 2017, xây dựng kế hoạch kinh doanh cho năm 2018. Từ đó, Ban kiểm soát tham gia đóng góp ý kiến của mình trong công tác điều hành hoạt động kinh doanh của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc.

5.3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích khác của Hội đồng quản trị/BanKiểm soát.

5.3.1. Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát (người/tháng):

Thành viên HĐQT: 4.600.000 đồng, thành viên ban kiểm soát: 2.100.000 đồng.

5.3.2. Giao dịch của cổ đông nội bộ:

ST T	Người thực hiện giao dịch	Chức vụ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ %	Số cổ phiếu	Tỷ lệ %	
1	Võ Văn Lệt	Trưởng BKS	6.400	0,08	400	0,005	Bán giải quyết nhu cầu cá nhân
2	Trần Thị Yên	TV BKS	41.700	0,53	40.500	0,51	Bán giải quyết nhu cầu cá nhân

VI. Báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán theo đúng qui định của pháp luật về kế toán:

- Bảng cân đối kế toán
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
- Thuyết minh báo cáo tài chính
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

(Toàn văn báo cáo tài chính năm 2017 đã kiểm toán được đăng tải trên website www.mecofood.com.vn, trang thông tin cổ đông)

6.1. Kiểm toán độc lập

- Đơn vị kiểm toán độc lập: CN Công ty TNHH Hãng Kiểm Toán (AASC). Báo cáo của kiểm toán độc lập dựa trên những cơ sở và ý kiến của kiểm toán viên như sau:

Trách nhiệm của kiểm toán viên:

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Xây lắp - Cơ khí và Lương thực Thực phẩm tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

6.2 Báo cáo tài chính đã được kiểm toán



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Công ty Cổ phần Xây lắp Cơ khí và Lương thực Thực phẩm
 Số 29 Nguyễn Thị Bảy, phường 6, Thành phố Tân An,
 tỉnh Long An

Báo cáo tài chính
 Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		88.571.606.566	118.275.572.062
110	1. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	4.370.769.730	10.226.993.321
111	1. Tiền		4.370.769.730	10.226.993.321
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		29.292.470.588	28.095.430.556
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	28.016.240.894	23.501.103.301
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	8.221.382.454	9.552.587.800
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	723.787.915	2.710.680.130
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(7.668.940.675)	(7.668.940.675)
140	IV. Hàng tồn kho	8	54.908.366.248	79.861.919.378
141	1. Hàng tồn kho		54.908.366.248	79.861.919.378
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		-	91.228.807
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	-	91.228.807
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		60.382.502.551	50.333.839.061
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		90.200.000	90.200.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	6	90.200.000	90.200.000
220	II. Tài sản cố định		55.046.625.367	49.636.999.417
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	55.046.625.367	49.636.656.931
222	- Nguyên giá		113.442.471.825	103.118.977.971
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(58.395.846.458)	(53.482.321.041)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	-	342.487
228	- Nguyên giá		737.803.229	737.803.229
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(737.803.229)	(737.460.742)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		5.245.677.184	388.625.964
241	1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	9	5.223.049.414	-
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	22.627.770	388.625.964
260	V. Tài sản dài hạn khác		-	218.013.680
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	-	86.526.903
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	32.a	-	131.486.777
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		<u>148.954.109.117</u>	<u>168.609.411.123</u>

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		31.872.562.580	50.632.958.017
310	I. Nợ ngắn hạn		31.872.562.580	50.632.958.017
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	14.659.398.485	5.729.441.658
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15	6.812.239.421	6.358.287.708
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	658.859.684	643.295.184
314	4. Phải trả người lao động		-	3.627.783.870
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	95.287.605	60.046.941
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	18	1.279.753.565	2.410.488.305
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	20	6.672.755.796	29.141.140.000
321	8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	19	440.776.284	701.858.766
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		1.253.491.740	1.960.615.585
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		117.081.546.537	117.976.453.106
410	I. Vốn chủ sở hữu	21	117.081.546.537	117.976.453.106
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		80.000.000.000	80.000.000.000
411a	<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>		<i>80.000.000.000</i>	<i>80.000.000.000</i>
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		(76.363.636)	(76.363.636)
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		26.119.630.702	24.109.595.702
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		11.038.279.471	13.943.221.040
421a	<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước</i>		<i>1.200.721.885</i>	<i>1.238.508.410</i>
421b	<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay</i>		<i>9.837.557.586</i>	<i>12.704.712.630</i>
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		148.954.109.117	168.609.411.123



Nguyễn Thị Thanh Phụng
Người lập



Trần Thị Phương
Kế toán trưởng



Lê Trường Sơn
Tổng Giám đốc

Long An, ngày 18 tháng 01 năm 2018

-Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2017

Công ty Cổ phần Xây lắp Cơ khí và Lương thực Thực phẩm
Số 29 Nguyễn Thị Bảy, phường 6, Thành phố Tân An,
tỉnh Long An

Báo cáo tài chính
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2017

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23	368.685.281.710	422.769.335.278
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		512.901.800	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		368.172.379.910	422.769.335.278
11	4. Giá vốn hàng bán	24	322.632.781.228	369.328.959.890
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		45.539.598.682	53.440.375.388
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	25	365.587.005	413.424.081
22	7. Chi phí tài chính	26	859.225.826	3.612.395.493
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		790.103.730	2.640.182.410
24	8. Chi phí bán hàng	27	15.883.131.316	17.128.763.252
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	18.585.384.793	19.748.602.075
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		10.577.443.752	13.364.038.649
31	11. Thu nhập khác	29	1.830.251.249	2.648.407.753
32	12. Chi phí khác	30	5.635.616	5.000.000
40	13. Lợi nhuận khác		1.824.615.633	2.643.407.753
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		12.402.059.385	16.007.446.402
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	31	2.350.215.022	3.054.846.994
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	32.b	131.486.777	131.486.778
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>9.920.357.586</u>	<u>12.821.112.630</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	33	1.095	1.402

Nguyễn Thị Thanh Phụng
Người lập

Trần Thị Phương
Kế toán trưởng



Lê Trường Sơn
Tổng Giám đốc
Long An, ngày 18 tháng 01 năm 2018

- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2017 (Theo phương pháp trực tiếp)

Công ty Cổ phần Xây lắp Cơ khí và Lương thực Thực phẩm
Số 29 Nguyễn Thị Bảy, phường 6, Thành phố Tân An,
tỉnh Long An

Báo cáo tài chính
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2017
(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		368.277.771.243	422.624.900.121
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(283.257.216.050)	(365.651.760.991)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(36.342.755.019)	(40.221.127.405)
04	4. Tiền lãi vay đã trả		(790.103.730)	(2.640.182.410)
05	5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(2.296.575.722)	(3.420.632.045)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		32.331.151.849	128.207.684.835
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(41.199.702.805)	(133.533.881.602)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		36.722.569.766	5.365.000.503
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(11.293.190.579)	(12.885.660.442)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		299.840.908	84.609.090
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		37.128.980	356.525.175
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(10.956.220.691)	(12.444.526.177)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền thu từ đi vay		66.244.920.134	248.983.162.860
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(88.713.304.338)	(226.106.426.860)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(9.152.000.000)	(8.480.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(31.620.384.204)	14.396.736.000
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(5.854.035.129)	7.317.210.326
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		10.226.993.321	2.997.842.162
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(2.188.462)	(88.059.167)
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	3	4.370.769.730	10.226.993.321

Nguyễn Thị Thanh Phụng
Người lập

Trần Thị Phượng
Kế toán trưởng



Lê Trường Sơn
Tổng Giám đốc
Long An, ngày 18 tháng 01 năm 2018

Trên đây là báo cáo thường niên năm 2017, Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty xin báo cáo Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước, Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội và toàn thể cổ đông được biết.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CTY
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Kiệt

